

Số: 326/QĐ-CĐBT

Bình Thuận, ngày 26 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Chiến lược phát triển Trường Cao đẳng Bình Thuận giai đoạn 2024 - 2030 và định hướng đến năm 2040

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÌNH THUẬN

Căn cứ Quyết định số 451/QĐ-LĐTBXH ngày 31/5/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc sáp nhập nguyên trạng Trường Cao đẳng Cộng đồng Bình Thuận, Trường Cao đẳng Y tế Bình Thuận vào Trường Cao đẳng Nghề tỉnh Bình Thuận và đổi tên thành Trường Cao đẳng Bình Thuận;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư 15/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21/10/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quy định về Điều lệ trường cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 717/QĐ-CĐBT ngày 08/9/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bình Thuận về việc Ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Bình Thuận;

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐTCĐBT ngày 21/3/2024 của Chủ tịch Hội đồng Trường Cao đẳng Bình Thuận về việc quyết nghị nội dung Kỳ họp thứ ba của Hội đồng trường Trường Cao đẳng Bình Thuận, nhiệm kỳ 2023-2028;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tổ chức - Hành chính - Tổng hợp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chiến lược phát triển Trường Cao đẳng Bình Thuận giai đoạn 2024 - 2030 và định hướng đến năm 2040.

Điều 2. Chiến lược phát triển Trường Cao đẳng Bình Thuận là cơ sở để Trường xây dựng kế hoạch, xác định nhiệm vụ từng năm học và tổ chức thực hiện; đồng thời được công bố rộng rãi, công khai để cán bộ, giảng viên, sinh viên, người học, nhà quản lý, nhà tuyển dụng và xã hội biết.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Trưởng Phòng Tổ chức - Hành chính - Tổng hợp, các Trưởng đơn vị thuộc Trường và viên chức, người lao động toàn trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Tổng cục GDNN (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- Hội đồng Trường (b/c);
- Các Sở, Ban, Ngành;
- Các Phó Hiệu trưởng;
- Website Trường;
- Lưu: VT, TCHCTH (Tự).



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÌNH THUẬN

**CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÌNH THUẬN**

GIAI ĐOẠN 2024 - 2030 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2040

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 326/QĐ-CĐBT ngày 26/3/2024
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bình Thuận)*

BÌNH THUẬN, 2024

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU.....	4
PHẦN A. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH	5
I. TÌNH HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI TỈNH BÌNH THUẬN GẮN VỚI CÔNG TÁC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP	5
1.1. Điều kiện địa lý, dân cư và tình hình phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh Bình Thuận	5
1.2. Tình hình hoạt động giáo dục nghề nghiệp của tỉnh Bình Thuận.....	6
II. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÌNH THUẬN	7
2.1. Thực trạng	7
2.1.1. Vị trí pháp lý và chức năng	7
2.1.2. Nhiệm vụ và quyền hạn	8
2.1.3. Cơ cấu tổ chức.....	9
2.1.4. Các cơ sở đào tạo.....	10
2.1.5. Các ngành đào tạo của trường.....	11
2.2. Tình hình thực hiện nhiệm vụ	17
2.3. Phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức	19
2.3.1. Điểm mạnh	19
2.3.2. Điểm yếu.....	20
2.3.3. Cơ hội.....	21
2.3.4. Thách thức	21
PHẦN B. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN	22
I. CĂN CỨ CHÍNH TRỊ VÀ PHÁP LÝ	22
II. SỨ MẠNG, TẦM NHÌN VÀ PHƯƠNG CHÂM HÀNH ĐỘNG	23
2.1. Sứ mạng.....	23
2.2. Tầm nhìn	24
2.3. Phương châm hành động.....	24
III. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN CHỦ YẾU.....	24
3.1. Giai đoạn 2024-2025.....	24
3.1.1. Mục tiêu chung.....	24
3.1.2. Mục tiêu cụ thể.....	25

3.2. Giai đoạn 2026-2030.....	27
3.2.1. Mục tiêu chung.....	27
3.2.2. Mục tiêu cụ thể.....	27
3.3. Giai đoạn 2030-2040.....	30
3.3.1. Mục tiêu chung.....	30
3.3.2. Mục tiêu cụ thể.....	30
IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU	32
4.1. Nâng cao chất lượng đào tạo và phát triển ngành, nghề đào tạo	32
4.2. Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý và nhà giáo.....	33
4.3. Duy trì và gắn kết quan hệ doanh nghiệp	33
4.4. Đảm bảo công tác quản trị nhà trường, xây dựng và vận hành hiệu quả hệ thống đảm bảo chất lượng, đầu tư phát triển cơ sở vật chất, xây dựng thương hiệu và bảo đảm ngân sách hoạt động.....	34
4.4.1. Về quản trị nhà trường	34
4.4.2. Về đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp.....	34
4.4.3. Về đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo.....	35
4.4.4. Về xây dựng và quảng bá hình ảnh, chất lượng đào tạo của nhà trường và công tác hướng nghiệp, tuyển sinh.....	35
4.4.5. Đảm bảo nguồn tài chính cho hoạt động của nhà trường	36
4.5. Lấy người học làm trung tâm trong mọi hoạt động của nhà trường.....	36
4.6. Đa dạng hóa các loại hình dịch vụ, sản xuất.....	36
4.7. Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học gắn với hoạt động đào tạo	37
4.8. Chủ động hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế.....	37
V. PHÂN CÔNG TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....	37
5.1. Đảng ủy - Hội đồng trường - Ban Giám hiệu	37
5.2. Các đơn vị trực thuộc - các đoàn thể.....	38
VI. KIẾN NGHỊ.....	38
6.1. Với Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận.....	38
6.2. Với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp	39

PHỤ LỤC	40
<i>Phụ lục 1: Mốc thời gian đạt các tiêu chí theo tiêu chuẩn trường cao đẳng chất lượng cao (Thông tư số 35/2021/TT-BLĐTĐBXH, ngày 30/12/2021 của Bộ LĐ-TĐ-XH).....</i>	40
<i>Phụ lục 2: Nâng cao chất lượng đào tạo và phát triển ngành, nghề đào tạo đến năm 2025 và 2030</i>	43
<i>Phụ lục 3: Công tác phát triển đội ngũ nhà giáo, viên chức, người lao động đến năm 2025 và 2030</i>	46
<i>Phụ lục 5: Dự kiến các nguồn thu và mức độ tự chủ chi thường xuyên giai đoạn 2024-2030 của trường cao đẳng bình thuận.....</i>	49
<i>Phụ lục 6: Đa dạng hóa dịch vụ, sản xuất gắn với các cơ sở thực hành.....</i>	51
<i>Phụ lục 7: Cơ cấu tổ chức giai đoạn 2024-2030 và đến năm 2040</i>	53
<i>Phụ lục 8: Cơ sở vật chất giai đoạn 2024-2025 và đến năm 2030</i>	54

LỜI MỞ ĐẦU

Chỉ thị 21-CT/TW ngày 04/5/2023 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 nêu rõ: "*Cần tạo đột phá về phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, có kỹ năng nghề đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng*". Do vậy mỗi cơ sở giáo dục nghề nghiệp cần có chiến lược phát triển riêng gắn liền với đặc điểm của từng địa phương, yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đòi hỏi về trình độ, kỹ năng của các đơn vị sử dụng lao động, tăng năng lực cạnh tranh trên thị trường lao động.

Nâng cao chất lượng đào tạo nghề nghiệp là nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới. Cơ sở đào tạo muốn tồn tại và phát triển lớn mạnh và bền vững, duy trì được lợi thế cạnh tranh của mình trong xu thế hội nhập cần thiết phải xác định rõ tầm nhìn, sứ mạng và mục tiêu chiến lược phát triển trung hạn và dài hạn. Trường Cao đẳng Bình Thuận là đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực có trình độ kỹ thuật, chuyên môn nghiệp vụ cao, phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhà và các địa phương lân cận. Việc xác định mục tiêu và đề ra giải pháp phát triển Trường trong thời gian tới có ý nghĩa hết sức quan trọng, nhằm tạo cơ sở khoa học cho Trường và các đơn vị, tổ chức có liên quan thực hiện kế hoạch phát triển Trường đi đúng hướng và đảm bảo phát triển phù hợp với thực tiễn đất nước nói chung, tỉnh Bình Thuận nói riêng. Do đó, việc xây dựng “Chiến lược phát triển Trường Cao đẳng Bình Thuận giai đoạn 2024 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2040” là hết sức cần thiết và cấp bách.

Chiến lược phát triển của Trường trong giai đoạn mới cần tập trung về đổi mới cơ chế quản lý, nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, tăng cường các hoạt động dịch vụ gắn với đào tạo, đặc biệt là đổi mới tư duy trong quản lý. Chiến lược sẽ bao gồm những giải pháp mang tính tổng thể nhưng cũng linh hoạt, mềm dẻo trong quá trình triển khai thực hiện.

PHẦN A. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH

I. TÌNH HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI TỈNH BÌNH THUẬN GẮN VỚI CÔNG TÁC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

1.1. Điều kiện địa lý, dân cư và tình hình phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh Bình Thuận

Bình Thuận là tỉnh duyên hải cực Nam Trung Bộ, có diện tích tự nhiên 7.810,4 km² với 10 đơn vị hành chính cấp huyện, bao gồm 1 thành phố, 1 thị xã và 8 huyện. Tỉnh lỵ của Bình Thuận là thành phố Phan Thiết nằm cách thành phố Hồ Chí Minh 183 km và cách Thủ đô Hà Nội 1.520 km theo đường Quốc lộ 1A. Bình Thuận có bờ biển dài 192 km. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, dân số trung bình của tỉnh Bình Thuận năm 2022 ước đạt 1.252.060 người.

Bình Thuận đã và đang tiếp tục đầu tư xây dựng đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; tập trung khai thác và nâng cao hiệu quả sử dụng quỹ đất nông nghiệp, gắn khai thác thủy, hải sản, sản xuất, trồng trọt với đẩy mạnh phát triển du lịch, dịch vụ, năng lượng, tăng thu nhập, giảm nghèo nhanh, bền vững. Bình Thuận cũng đã thu hút nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước đến đầu tư kinh doanh, đạt hiệu quả cao, góp phần làm cho nền kinh tế của tỉnh ngày càng sôi động. Tỉnh tiếp tục quan tâm bảo tồn, phát huy những giá trị văn hóa tiêu biểu của cộng đồng các dân tộc trong tỉnh; quan tâm các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo và sinh hoạt văn hóa tâm linh, góp phần xây dựng môi trường văn hóa, giữ gìn, phát huy truyền thống văn hóa của địa phương và những phẩm chất, tính cách tốt đẹp của người dân Bình Thuận.

Đại hội Đảng bộ tỉnh Bình Thuận lần thứ XIV (nhiệm kỳ 2020-2025) đã xác định cần quyết tâm phát triển 3 trụ cột của kinh tế của tỉnh là công nghiệp, du lịch và nông nghiệp. Đối với công nghiệp, tỉnh sẽ ưu tiên phát triển công nghiệp năng lượng, tập trung vào những dự án ít ảnh hưởng đến môi trường, như điện mặt trời, điện gió và điện khí hóa lỏng. Bên cạnh đó, tăng cường thu hút các dự án công nghiệp chế biến, chế tạo, như các ngành phụ trợ cho ngành điện, chế biến nông, lâm, thủy sản. Đối với du lịch, sẽ tiếp tục đầu tư, đa dạng hóa các loại hình, sản phẩm nâng cao sức hấp dẫn, phấn đấu trở thành ngành kinh tế mũi nhọn; xây dựng khu du lịch Mũi Né trở thành khu du dịch quốc gia, làm hạt nhân lan tỏa cho du lịch của tỉnh. Đối với nông nghiệp, sẽ tiếp tục phát triển hệ thống thủy lợi, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, hình thành những vùng chuyên canh lớn, sản xuất theo chuỗi giá trị; gắn sản xuất nông nghiệp với công nghiệp chế biến.

Đồng thời, Bình Thuận xác định 3 khâu đột phá là (1) Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ có chuyên môn cao, có năng lực thực tiễn, phẩm chất đạo đức trong sáng, gần dân, trọng dân, có trách nhiệm

với nhân dân; chú trọng xây dựng cán bộ nữ, cán bộ trẻ có triển vọng và bảo đảm tính kế thừa; (2) Tăng cường đầu tư công và thu hút nguồn lực xã hội đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật; đồng thời, đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ vào phát triển sản xuất, nâng cao đời sống nhân dân; (3) Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính; tạo môi trường thuận lợi thu hút đầu tư kinh doanh, liên kết, hợp tác, phát triển để đưa tỉnh Bình Thuận phát triển mạnh mẽ trong tương lai.

Như vậy, để góp phần thực hiện thành công một trong ba khâu đột phá về đào tạo và phát triển nguồn nhân lực phục vụ cho các ngành công nghiệp, du lịch, nông nghiệp gắn với ứng dụng công nghệ cao, yêu cầu Trường Cao đẳng Bình Thuận phải có nhiều giải pháp đồng bộ, hiệu quả và phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

1.2. Tình hình hoạt động giáo dục nghề nghiệp của tỉnh Bình Thuận

Bình Thuận hiện có 24 cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trong đó 13 cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập và 11 cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập, trong đó Trường Cao đẳng Bình Thuận là cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập bậc cao đẳng duy nhất và có quy mô lớn nhất. Thời gian qua, cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo nghề của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp được đầu tư, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động. Bên cạnh đó, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp chủ động phối hợp với các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh - dịch vụ; các xã, phường, thị trấn, các hội, đoàn thể tuyển sinh, đào tạo nghề đáp ứng yêu cầu của thị trường, tỷ lệ lao động có việc làm cao.

Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành kế hoạch triển khai thực hiện chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Mục tiêu cơ bản đến năm 2030, bảo đảm quy mô, cơ cấu ngành, nghề đào tạo cho phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội địa phương; chất lượng đào tạo nghề của một số trường tiếp cận trình độ quốc gia, khu vực ASEAN; góp phần nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ từ 32% - 37%.

Tuy nhiên, bên cạnh những điểm sáng rõ nét, công tác giáo dục nghề nghiệp vẫn còn những khó khăn, thách thức cần vượt qua như: chưa phối hợp chặt chẽ với doanh nghiệp, địa phương, đoàn thể trong công tác tuyển sinh, đào tạo nghề; chưa khai thác các nghề mới theo nhu cầu xã hội để tổ chức đào tạo; chưa dự báo được tình hình việc làm, phân khúc thị trường lao động và mức thu nhập; chưa khuyến khích thu hút được đội ngũ nhà giáo có kinh nghiệm, có trình độ tay nghề cao.

II. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÌNH THUẬN

2.1. Thực trạng

2.1.1. Vị trí pháp lý và chức năng

Trước năm 2023, toàn tỉnh có 03 trường cao đẳng thực hiện các hoạt động giáo dục nghề nghiệp, đào tạo nhân lực kỹ thuật trực tiếp trong sản xuất, dịch vụ ở các trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp và đào tạo thường xuyên. Thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập; cùng với sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận đã ban hành Đề án 698/ĐA-UBND ngày 11/3/2022 về Sáp nhập Trường Cao đẳng Cộng đồng Bình Thuận, Trường Cao đẳng Y tế Bình Thuận vào Trường Cao đẳng Nghề Bình Thuận và đổi tên thành Trường Cao đẳng Bình Thuận.

Ngày 31/5/2022, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã ban hành Quyết định số 451/QĐ-LĐTBXH về việc sáp nhập nguyên trạng Trường Cao đẳng Cộng đồng Bình Thuận, Trường Cao đẳng Y tế Bình Thuận vào Trường Cao đẳng Nghề Bình Thuận. Sau một thời gian chuẩn bị, ngày 04/01/2023, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức Lễ công bố Quyết định thành lập Trường Cao đẳng Bình Thuận theo Quyết định số 451/QĐ-LĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Trường Cao đẳng Bình Thuận chính thức đi vào hoạt động.

Trường Cao đẳng Bình Thuận (sau đây gọi tắt là Trường) là đơn vị sự nghiệp công lập, trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận. Trường chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và hoạt động của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận; chịu sự quản lý Nhà nước về giáo dục nghề nghiệp của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; chịu sự quản lý Nhà nước về đào tạo thuộc lĩnh vực sư phạm của Bộ Giáo dục và Đào tạo; chịu sự quản lý Nhà nước về đào tạo thuộc lĩnh vực y tế của Bộ Y tế.

Trường thực hiện chức năng đào tạo, bồi dưỡng và liên kết đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có đạo đức, sức khỏe; có trách nhiệm nghề nghiệp; có khả năng sáng tạo, thích ứng với môi trường làm việc trong bối cảnh hội nhập quốc tế; bảo đảm nâng cao năng suất, chất lượng lao động, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và khu vực trong các lĩnh vực: sản xuất kinh doanh, du lịch, dịch vụ, giáo dục đào tạo, y tế. Bên cạnh đó, Trường là cơ sở nghiên cứu, phổ biến và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật để tham gia giải quyết những vấn đề kinh tế - xã hội của địa phương.

2.1.2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Trường Cao đẳng Bình Thuận thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 23 Luật Giáo dục nghề nghiệp và Điều 8 Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH và các quy định hiện hành.

2.1.2.1. Nhiệm vụ chủ yếu

a) Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp, trình độ sơ cấp và các chương trình đào tạo thường xuyên theo quy định của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, chương trình đào tạo giáo viên sư phạm theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, chương trình đào tạo ngành nghề y tế theo quy định của Bộ Y tế.

b) Tư vấn nghề nghiệp, hướng nghiệp, việc làm cho người học và tổ chức hoạt động hỗ trợ người học khởi nghiệp theo quy định của pháp luật.

c) Phối hợp với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, gia đình người học trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp và tư vấn nghề nghiệp, hướng nghiệp; tổ chức cho đội ngũ nhà giáo, người học tham quan, thực tập tại doanh nghiệp và hỗ trợ giải quyết việc làm cho người học theo quy định của pháp luật.

d) Phối hợp với trường trung học cơ sở, trung học phổ thông, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục thường xuyên để tuyên truyền, hướng nghiệp, phân luồng học sinh vào học các trình độ của giáo dục nghề nghiệp.

đ) Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ về giáo dục nghề nghiệp, ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ mới phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của bộ, ngành, địa phương.

e) Quản lý, sử dụng đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị và tài chính, tài sản của trường theo quy định của pháp luật.

g) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

2.1.2.2. Quyền hạn

a) Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch, chiến lược phát triển trường phù hợp với chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động.

b) Tổ chức đào tạo các chương trình giáo dục nghề nghiệp theo quy định của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

c) Liên kết với cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học, doanh nghiệp, tổ chức trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật nhằm khai thác, huy động các nguồn lực xã hội trong thực hiện các chương trình đào

tạo giáo dục nghề nghiệp để nâng cao chất lượng đào tạo, gắn đào tạo với việc làm và thị trường lao động. Đơn vị chủ trì liên kết đào tạo chịu trách nhiệm cấp văn bằng, chứng chỉ cho người học.

d) Liên kết, phối hợp với cơ sở giáo dục đại học tổ chức đào tạo trình độ đại học theo hình thức vừa làm vừa học và đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng lên trình độ đại học theo quy định của Luật Giáo dục đại học và các văn bản hướng dẫn thi hành.

đ) Phối hợp với doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong hoạt động xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo, tài liệu, học liệu giảng dạy; tổ chức giảng dạy, hướng dẫn thực hành, thực tập, đánh giá kết quả học tập của người học; bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho nhà giáo.

e) Sử dụng nguồn thu từ hoạt động đào tạo, khoa học, công nghệ và dịch vụ để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất của trường, chi cho các hoạt động đào tạo, bổ sung nguồn tài chính của trường và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

g) Huy động, nhận tài trợ, quản lý và sử dụng nguồn huy động, tài trợ theo quy định của pháp luật nhằm thực hiện các hoạt động của trường.

h) Quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; quản lý và sử dụng nguồn tài chính theo quy định của pháp luật.

i) Thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2.1.3. Cơ cấu tổ chức

2.1.3.1. Hội đồng trường: Hội đồng trường có nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật giáo dục nghề nghiệp và khoản 2 Điều 11 Thông tư số 15/2021/ TT-BLĐTBXH.

Theo Quyết định số 1265/QĐ-UBND ngày 29/6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận về việc thành lập Hội đồng trường Cao đẳng Bình Thuận, nhiệm kỳ 2023-2028 có 11 thành viên, gồm: Chủ tịch Hội đồng trường: các Ủy viên Hội đồng trường và Thư ký Hội đồng trường.

2.1.3.2. Ban Giám hiệu: gồm Hiệu trưởng và 03 Phó Hiệu trưởng.

Hiệu trưởng là người đứng đầu Trường, đại diện cho Trường trước pháp luật, chịu trách nhiệm quản lý các hoạt động của Trường; là người điều hành tổ chức bộ máy của Trường.

Phó Hiệu trưởng là người giúp Hiệu trưởng trong việc quản lý, điều hành các hoạt động của Trường; chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công.

2.1.3.3. *Hội đồng tư vấn*: do Hiệu trưởng quyết định thành lập để tư vấn cho Hiệu trưởng về một số công việc cần thiết, liên quan đến việc triển khai, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

2.1.3.4. *Các phòng chức năng*, gồm 06 phòng:

- a) Phòng Tổ chức - Hành chính - Tổng hợp.
- b) Phòng Tài vụ.
- c) Phòng Đào tạo.
- d) Phòng Công tác chính trị và Quản lý học sinh - sinh viên.
- đ) Phòng Nghiên cứu Khoa học và Hợp tác quốc tế.
- e) Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng.

2.1.3.5. *Các khoa chuyên môn*, gồm 05 khoa:

- a) Khoa Khoa học cơ bản và bộ môn chung.
- b) Khoa Y - Dược.
- c) Khoa Kinh tế - Du lịch - Văn hóa.
- d) Khoa Kỹ thuật.
- đ) Khoa Sư phạm.

2.1.3.6. *Các đơn vị phục vụ đào tạo, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ*, gồm 04 Trung tâm:

- a) Trung tâm Thông tin - Thư viện - Thiết bị.
- b) Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học.
- c) Trung tâm Hỗ trợ học sinh - sinh viên.
- d) Trung tâm Liên kết đào tạo - Bồi dưỡng

2.1.4. Các cơ sở đào tạo

Trường có 04 cơ sở đào tạo tại Phan Thiết gồm:

- Trụ sở chính: số 05 Tôn Thất Bách, phường Phú Tài, diện tích 49.983 m².
- Cơ sở 2: số 205 Lê Lợi, phường Hưng Long với diện tích 24.119 m².
- Cơ sở 3: số 274 Nguyễn Hội, phường Xuân An với diện tích 14.000 m².
- Cơ sở 4: số 38 Nguyễn Hội, phường Phú Trinh với diện tích 5.469 m².

2.1.5. Các ngành đào tạo của trường

Hiện nay Trường có 27 ngành nghề đào tạo trình độ cao đẳng (trong đó có 01 ngành nghề trọng điểm cấp độ Asean và 09 ngành nghề trọng điểm cấp quốc gia), 31 ngành nghề đào tạo trình độ trung cấp (trong đó có 01 ngành nghề trọng điểm cấp độ Asean và 08 ngành nghề trọng điểm cấp quốc gia) và 22 ngành nghề đào tạo trình độ sơ cấp.

2.1.5.1. Trình độ cao đẳng

Stt	Tên ngành nghề đào tạo	Mã nghề đào tạo	Khoa chuyên môn
I. Nghề trọng điểm cấp độ Asean			
01	Quản trị khu resort	6810202	Khoa Kinh tế - Du lịch - Văn hóa
II. Nghề trọng điểm cấp quốc gia			
01	Kế toán doanh nghiệp	6340302	Khoa Kinh tế - Du lịch - Văn hóa
02	Dược	6720201	Khoa Y-Dược
03	Điều dưỡng	6720301	
04	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	6510303	Khoa Kỹ thuật
05	Cơ điện tử	6520263	
06	Điện công nghiệp	6520227	
07	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6520205	
08	Công nghệ ô tô	6510216	
09	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	6340417	
III. Các ngành, nghề khác			
01	Giáo dục mầm non	51140201	Khoa Sư phạm
02	Quản trị kinh doanh	6340404	Khoa Kinh tế - Du lịch - Văn hóa
03	Quản trị văn phòng	6340403	
04	Thư ký văn phòng	6320306	
05	Việt Nam học	6220103	
06	Văn thư hành chính	6320301	
07	Quản lý văn hóa	6340436	

Stt	Tên ngành nghề đào tạo	Mã nghề đào tạo	Khoa chuyên môn
08	Công nghệ sau thu hoạch	6620101	Khoa Kỹ thuật
09	Khoa học cây trồng	6620109	
10	Khoa học thư viện	6320206	
11	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	6510201	
12	Công nghệ may	6540204	
13	Tiếng Anh	6220206	Khoa Khoa học cơ bản và Bộ môn chung
14	Quản trị mạng máy tính	6480209	
15	Tin học ứng dụng	6480205	
16	Hệ thống thông tin quản lý	6320202	
17	Hộ sinh	6720303	Khoa Y-Dược

2.1.5.2. Trình độ trung cấp

Stt	Tên ngành nghề đào tạo	Mã nghề đào tạo	Khoa chuyên môn
I. Nghề trọng điểm cấp độ Asean			
01	Quản trị khu resort	5810202	Khoa Kinh tế - Du lịch - Văn hóa
II. Nghề trọng điểm cấp quốc gia			
01	Kế toán doanh nghiệp	5340302	Khoa Kinh tế - Du lịch - Văn hóa
02	Kỹ thuật chế biến món ăn	5810207	
03	Nghiệp vụ lễ tân	5810203	
04	Dược	5720201	Khoa Y-Dược
05	Điều dưỡng	5720301	
06	Điện công nghiệp	5520227	Khoa Kỹ thuật
07	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	5520227	
08	Công nghệ ô tô	5510216	
III. Các ngành, nghề khác			
01	Văn thư hành chính	5320301	

Stt	Tên ngành nghề đào tạo	Mã nghề đào tạo	Khoa chuyên môn
02	Quản lý văn hóa	5340436	Khoa Kinh tế - Du lịch - Văn hóa
03	Công tác xã hội	5760101	
04	Hướng dẫn du lịch	5810103	
05	Nghiệp vụ nhà hàng	5810206	
06	Hành chính văn phòng	5320305	
07	Văn thư - Lưu trữ	5320302	
08	Thư viện - Thiết bị trường học	5320207	
09	Hộ sinh	5720303	
10	Dân số y tế	5720701	
11	Y sỹ	5720101	
12	Cơ điện nông thôn	5520262	Khoa Kỹ thuật
13	Kỹ thuật xây dựng	5580201	
14	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	5510201	
15	Công nghệ may	5540204	
16	Quản lý đất đai	5850102	
17	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	5620111	
18	Quản trị mạng máy tính	5480209	Khoa Khoa học cơ bản và Bộ môn chung
19	Tin học ứng dụng	5480205	
20	Hệ thống thông tin quản lý	5320202	
21	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	5480102	
22	Pháp luật	5380101	

2.1.5.3. Trình độ sơ cấp

Stt	Tên ngành nghề đào tạo	Mã nghề đào tạo	Khoa chuyên môn
01	Kế toán doanh nghiệp		Khoa Kinh tế - Du lịch - Văn hóa
02	Dinh dưỡng và kỹ thuật nấu ăn		

Stt	Tên ngành nghề đào tạo	Mã nghề đào tạo	Khoa chuyên môn	
03	Kỹ thuật chế biến món ăn			
04	Kỹ thuật làm bánh Âu			
05	Lễ tân khách sạn			
06	Nghiệp vụ lễ tân			
07	Nghiệp vụ bếp trưởng			
08	Phục vụ buồng			
09	Nghiệp vụ phục vụ buồng			
10	Phục vụ nhà hàng (bàn, quầy)			
11	Pha chế thức uống			
12	Điện dân dụng			Khoa Kỹ thuật
13	Điện lạnh			
14	Hàn			
15	Kỹ thuật xây dựng dân dụng			
16	Máy công nghiệp			
17	Máy thủ công			
18	Tiếng Anh chuyên ngành phục vụ Lễ tân		Khoa Khoa học cơ bản và Bộ môn chung	
19	Tiếng Anh chuyên ngành phục vụ nhà hàng			
20	Lắp ráp và sửa chữa máy tính			
21	Tin học văn phòng			
22	Ứng dụng công nghệ thông tin trong Quản lý văn thư lưu trữ			

Ngoài ra, Trường còn liên kết với 17 trường đại học trong toàn quốc để đào tạo 25 ngành bậc đại học và 05 ngành bậc thạc sĩ và tương đương, đồng thời liên kết với nhiều cơ sở đào tạo bồi dưỡng để thực hiện 20 chương trình bồi dưỡng ngắn hạn.

2.1.5.4. Các ngành đang đào tạo liên kết

Stt	Trường liên kết	Ngành đào tạo	Hệ đào tạo
1	ĐH Điện lực	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử	Liên thông, VLVH

Stt	Trường liên kết	Ngành đào tạo	Hệ đào tạo
2	ĐH Mở TP. HCM	Quản trị kinh doanh	Từ xa
		Luật	
		Kế toán	
		Xây dựng	
		Ngôn ngữ Anh	Văn bằng 2, VLVH
3	ĐH Sư phạm Kỹ thuật TP. HCM	Sư phạm tiếng Anh	Liên thông, VLVH
4	ĐH Kinh tế - Luật TP. HCM	Luật kinh tế	
5	ĐH Bách Khoa TP. HCM	Xây dựng	VLVH
6	ĐH Sư phạm Huế	Vật lý	Từ xa
		Tin học	
		Toán	
		Mầm non	
		Giáo dục tiểu học	
		Lịch sử	
		Ngữ văn	
		Giáo dục chính trị	
		Sư phạm địa lý	
		Giáo dục mầm non	
7	Viện Đào tạo Mở CNTT - ĐH Huế	Ngôn ngữ Anh	Từ xa
		Luật	
		Quản lý đất đai	
8	ĐH Trà Vinh	Giáo dục mầm non	Từ xa
		Kế toán	
		Giáo dục tiểu học	
		Y tế công cộng	VLVH
		Điều dưỡng	VLVH
		Điều dưỡng Phụ sản	VLVH
		Quản lý Y tế	Thạc sĩ
		Y tế công cộng	
		Luật Hành chính & hiến pháp	
9	ĐH Kinh tế TP. HCM	Kế toán doanh nghiệp	Liên thông, VLVH
10	ĐH Đồng Tháp	Sư phạm Giáo Dục Thể Chất	Liên thông, Từ xa
		Sư phạm Anh	
		Sư phạm Công nghệ	
		Sư phạm Khoa học tự nhiên	
11	ĐH Nghệ thuật Huế	Sư phạm Mỹ thuật	Liên thông
12	Học viện âm nhạc Huế	Sư phạm Âm nhạc	Liên thông
13	ĐH Cần Thơ	Luật	Từ xa
		Thông tin thư viện	
		Công nghệ thông tin	

Stt	Trường liên kết	Ngành đào tạo	Hệ đào tạo
		Kế toán	
15	ĐH Đà Lạt	Ngôn ngữ Anh	Liên thông, VB2, VLVH
		Luật	Liên thông, VB2
		Kế toán	Liên thông
16	ĐH Lạc Hồng	Tổ chức và Quản lý Dược	Chuyên khoa 1
		Dược lý và Dược lâm sàng	Chuyên khoa 1
		Kế toán	Liên thông, VB2
		Kỹ thuật Điện - Điện tử	Liên thông, VB2
17	ĐH Công nghệ TP. HCM (HUTECH)	Dược	Liên thông
18	ĐH Yersin	Điều Dưỡng và Dược học	Liên thông
19	ĐH Tài Nguyên và Môi Trường TP. HCM	Trắc địa - Bản đồ	Liên thông, VB2

2.1.5.5. Các chương trình liên kết đào tạo ngắn hạn

- Bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giáo viên
- Nghiệp vụ sư phạm (giáo viên, giảng viên, dạy nghề)
- Nghiệp vụ cấp dưỡng trường mầm non
- Nghiệp vụ bảo mẫu trường mầm non
- Bồi dưỡng nghiệp vụ cộng tác viên thanh tra giáo dục
- Bồi dưỡng giáo viên THCS dạy môn KHTN và Lịch sử, Địa lý đáp ứng chương trình GDPT 2018
- Kiểm soát nhiễm khuẩn
- Bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp ngành Y tế
- Kế toán trưởng doanh nghiệp và HCSN
- Nghiệp vụ kế toán, kê khai thuế, kế toán MiSa (từ cơ bản đến nâng cao)
- Quản lý nhà nước ngạch chuyên viên, ngạch chuyên viên chính
- Quản lý nhà nước ngạch kế toán viên
- Kỹ năng lãnh đạo quản lý cấp phòng
- Bất động sản, Đấu thầu, Quản lý dự án, Định giá
- Vẽ kỹ thuật trên Autocad

- Huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động
- Nghiệp vụ điều hành vận tải
- Bồi dưỡng kiến thức quản lý tài chính dành cho lãnh đạo các cơ quan, đơn vị HCSN

- Nghiệp vụ quản trị văn phòng và văn thư lưu trữ
- Các lớp học thi cấp GPLX mô tô

2.2. Tình hình thực hiện nhiệm vụ

2.2.1. Kết quả tuyển sinh đào tạo giai đoạn 2020 - 2022

Trong 03 năm 2020 - 2022 Trường đã đào tạo 9.284 người. Trong đó, cao đẳng là 2.415 người, trung cấp là 1.553 người, còn lại là sơ cấp, liên kết và dịch vụ. Chi tiết như sau:

Đơn vị tính: Người

STT	Hệ đào tạo	Năm học			Cộng
		2020-2021	2021-2022	2022-2023	
1	Cao đẳng	945	813	657	2.415
2	Trung cấp	633	364	556	1.553
3	Sơ cấp	856	257	650	1.763
4	Liên kết, dịch vụ	1.238	1.172	1.143	3.553
Tổng cộng		3.672	2.606	3.006	9.284

2.2.2. Kết quả thu từ nguồn kinh phí Ngân sách Nhà nước cấp và các khoản thu hoạt động dịch vụ qua 03 năm 2020 - 2022

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Năm			Tổng Cộng
		2020	2021	2022	
1	Kinh phí không thường xuyên	21.490,9	11.737,0	15.650,9	48.878,8
2	Kinh phí thường xuyên	29.955,4	29.274,0	29.426,9	88.656,3
3	Nguồn thu sự nghiệp	28.581,9	24.976,7	24.418,6	77.977,2
3.1	Thu học phí	14.043,2	12.605,9	12.450,6	39.099,7

3.2	Thu dịch vụ SXKD	14.538,7	12.370,8	11.968	38.877,5
Tổng thu kinh phí thường xuyên và thu sự nghiệp		58.537,3	54.250,7	53.845,5	166.633,5
Tổng cộng		80.028,2	65.987,7	69.496,3	215.512,2

2.2.3. Kết quả chi từ nguồn kinh phí Ngân sách Nhà nước cấp và các khoản thu hoạt động dịch vụ qua 03 năm 2020 - 2022

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Năm			Cộng
		2020	2021	2022	
1	Kinh phí không thường xuyên	19.539,9	9.253	10.440,1	39.233
2	Kinh phí thường xuyên	29.675,4	29.165	29.426,9	88.267,3
3	Nguồn Thu sự nghiệp	18.604,9	15.069	15.100,9	48.774,8
3.1	Thu học phí	8.347,9	5.052,2	5.783,1	19.183,2
3.2	Thu dịch vụ SXKD	10.257	10.016,8	9.317,8	29.591,6
Tổng chi kinh phí thường xuyên và thu sự nghiệp		48.280,3	44.234	44.527,8	137.042,1
Tổng cộng		67.820,2	53.487	54.967,9	176.275,1

2.2.4. Phân phối chênh lệch thu chi hoạt động thường xuyên 2020 - 2022

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Trích lập các quỹ	Năm		
		2020	2021	2022
1	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	1.704,5	1.781,6	1.576
2	Quỹ bổ sung thu nhập	4.048,5	402,9	458,6
3	Quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi	2.307,5	1.818,7	741,3
Tổng cộng		8.060,5	4.003,2	2.775,9

2.2.5. Tình hình đội ngũ viên chức, lao động 2020 - 2022

Đơn vị tính: Người

STT	Trình độ	Năm		
		2020	2021	2022
1	Tiến sĩ	1	2	2

2	Thạc sĩ	110	111	110
3	Đại học	163	157	151
4	Cao đẳng, trung cấp, khác	57	54	45
Tổng cộng		331	324	308

2.2.6. Hiện trạng cơ sở vật chất

ST T	NỘI DUNG	CƠ SỞ 1	CƠ SỞ 2	CƠ SỞ 3	CƠ SỞ 4	TỔNG CỘNG
1	Số phòng làm việc	24	11	14	9	58
2	Số phòng học	12	27	0	19	58
3	Giảng đường	2	0	8	0	10
4	Phòng thực hành, thí nghiệm	30	12	24	12	78
5	Hội trường	1	1	1	0	3
6	Phòng họp	1	1	1	1	4

2.3. Phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức

2.3.1. Điểm mạnh

- Danh mục các ngành nghề đào tạo của Trường khá đa dạng, gồm các khối ngành đào tạo về Kỹ thuật, Du lịch, Kinh tế, Ngôn ngữ Anh, Công nghệ thông tin, Chăm sóc sức khỏe, Giáo dục mầm non...đáp ứng được nhu cầu học tập của nhiều đối tượng người học trên địa bàn tỉnh. Với sự tham gia của đại diện các doanh nghiệp sản xuất và các chuyên gia ngoài trường, các chương trình đào tạo của Trường được xây dựng theo chương trình khung của Bộ LĐ-TB&XH, hằng năm được rà soát điều chỉnh cho phù hợp với sự phát triển của khoa học công nghệ.

Trường có các chương trình liên kết đào tạo, bồi dưỡng với các trường đại học, các học viện và các cơ sở giáo dục khác nhằm tạo điều kiện cho người học có thể đăng ký học liên thông lên đại học và sau đại học, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ với các hình thức phù hợp.

- Trường có đội ngũ nhà giáo năng động, ý thức trách nhiệm cao với nghề nghiệp, có trình độ đáp ứng yêu cầu phát triển của trường, có năng lực giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

- Trường có các cơ sở đào tạo nằm ở trung tâm thành phố, cơ sở hạ tầng, trang thiết bị giảng dạy được đầu tư cơ bản, đáp ứng cho công tác đào tạo giáo

dục nghề nghiệp hiện nay. Trường có các ký túc xá nằm trong khuôn viên trường phục vụ nhu cầu lưu trú và sinh hoạt của người học.

- Trường đã xây dựng mối quan hệ với các doanh nghiệp, hằng năm có tổ chức ngày hội việc làm tạo điều kiện cho người học tìm kiếm cơ hội việc làm ngay sau khi tốt nghiệp. Ngoài ra, các doanh nghiệp còn tạo điều kiện cho người học tham gia thực tập trong quá trình đào tạo tại trường.

- Sau khi sáp nhập, Trường Cao đẳng Bình Thuận là trường cao đẳng duy nhất của tỉnh, có cơ hội để tập trung đầu tư cho phát triển. Bộ máy tổ chức của Trường cơ bản đã được hoàn thiện đầy đủ, đặc biệt là Hội đồng Trường có vai trò quan trọng đối với sự phát triển của Trường. Trường Cao đẳng Bình Thuận tiếp tục khẳng định được năng lực đào tạo vốn có từ ba trường tiền thân, tạo được uy tín đối với xã hội, người học và các đơn vị sử dụng lao động.

2.3.2. Điểm yếu

- Phần lớn chương trình đào tạo chưa thực hiện kiểm định ngoài, chưa có chương trình đào tạo theo chuẩn quốc tế, một số ngành nghề chưa thu hút được người học. Cơ sở vật chất một số nghề được xây dựng từ lâu nên đã có dấu hiệu xuống cấp, trang thiết bị đào tạo tuy đã được bổ sung thường xuyên nhưng chưa phù hợp với thực tế sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp.

- Do một số ngành, nghề đào tạo chưa thu hút được người học, không ổn định trong tuyển sinh, nên đội ngũ nhà giáo bị thừa, thiếu cục bộ. Các nguồn lực tài chính còn hạn hẹp đã ảnh hưởng đến nguồn lực cho đào tạo đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý. Chưa có điều kiện để thu hút được người giỏi, người có học hàm, học vị về làm việc.

- Do là đơn vị sự nghiệp công lập, mức thu học phí thấp và nguồn tài chính cho phát triển trường chưa đa dạng nên nguồn lực để tái đầu tư, hỗ trợ các hoạt động chuyên môn và ngoại khóa còn hạn chế; đời sống, thu nhập của phần lớn đội ngũ nhà giáo, viên chức, người lao động còn thấp.

- Chất lượng đầu vào của người học còn thấp, ý thức học tập chưa tốt, học sinh dân tộc thiểu số có điều kiện kinh tế khó khăn chiếm tỷ lệ tương đối cao cho nên việc quản lý người học còn nhiều khó khăn.

- Việc phát triển các hoạt động dịch vụ gắn với đào tạo chưa mạnh mẽ. Công tác liên doanh, liên kết với doanh nghiệp chưa sâu rộng và bền vững, chưa khảo sát được nhu cầu nhân lực xã hội.

- Trường mới được thành lập trên cơ sở hợp nhất 3 trường Cao đẳng, cần phải có thời gian nhất định để ổn định hoạt động và phát triển.

2.3.3. Cơ hội

- Ban Bí thư ban hành Chỉ thị 21-CT/TW ngày 04/5/2023 về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Đề án “Phát triển trường cao đẳng chất lượng cao đến năm 2025” là căn cứ chính trị và căn cứ pháp lý quan trọng, tạo cơ hội phát triển các trường cao đẳng chất lượng cao.

- Trường được sự quan tâm đặc biệt của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh và các sở, ban, ngành. Đó là thuận lợi cơ bản đối với sự phát triển của Trường. Bình Thuận là một tỉnh có nhiều tiềm năng và lợi thế trong việc phát triển kinh tế bền vững và toàn diện, đòi hỏi số lượng lớn nguồn nhân lực phải qua đào tạo kiến thức, kỹ năng nghề. Đây chính là động lực thu hút người lao động tham gia học nghề.

- Quá trình hội nhập và hợp tác quốc tế đang tạo cơ hội thuận lợi cho Trường có thể tiếp cận với các nền giáo dục tiên tiến học tập kinh nghiệm để đổi mới và phát triển.

- Hệ thống hạ tầng giao thông được đầu tư xây dựng đồng bộ và kết nối với các vùng kinh tế trọng điểm phía Nam làm tăng khả năng thu hút các nhà đầu tư đến với Bình Thuận. Điều này làm gia tăng cơ hội cho Trường trong việc đào tạo và cung ứng nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế tỉnh nhà.

2.3.4. Thách thức

- Việc thực hiện phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông theo chủ trương của Đảng và Nhà nước chưa cao nên chưa khuyến khích được học sinh dự tuyển vào Trường.

- Tỉnh Bình Thuận nằm cạnh các tỉnh thành có nhiều cơ sở đào tạo lớn nên việc thu hút người học vào học tại Trường gặp khó khăn. Sự cạnh tranh của các trường đại học với chính sách tuyển sinh ngày càng mở rộng cùng với tâm lý coi trọng bằng cấp của phụ huynh và học sinh phổ thông là những thách thức lớn đối với nhiệm vụ tuyển sinh của Trường. Bên cạnh đó, sự cạnh tranh ngay chính trong lĩnh vực đào tạo nghề giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp cũng đang ngày càng lớn.

- Yêu cầu tự chủ về tài chính và tinh giản bộ máy, tinh giản biên chế ngày càng cao trong khi chính sách tiền lương đối với viên chức, người lao động còn thấp tạo ra áp lực lớn cho đội ngũ quản lý, viên chức và nhà giáo.

- Các chính sách hiện nay đối với đơn vị sự nghiệp công lập về tự chủ tài chính, định mức kinh phí đào tạo, xây dựng và tự ban hành mức học phí... còn nhiều bất cập, rất khó thực hiện. Các quy định liên quan đến đấu thầu mua sắm trang thiết bị, xây dựng, sửa chữa cơ sở vật chất, thuê chuyên gia, nhà khoa học giỏi tham gia xây dựng chương trình và giảng dạy; cho thuê tài sản công để thực hiện dịch vụ, sản xuất... còn phức tạp, nhiều tầng nấc và chưa được hướng dẫn rõ ràng, cụ thể.

PHẦN B. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

I. CĂN CỨ CHÍNH TRỊ VÀ PHÁP LÝ

- Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII (nhiệm kỳ 2021-2026).
- Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.
- Chương trình hành động số 43-CTr/TU ngày 30/01/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XIII) thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW.
- Chỉ thị 21-CT/TW ngày 04/5/2023 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.
- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Bình Thuận lần thứ XIV (nhiệm kỳ 2020-2025): 3 trụ cột phát triển (nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, du lịch, năng lượng tái tạo).
- Kế hoạch 179-KH/TU ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Tỉnh ủy thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW, ngày 04/5/2023 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.
- Các Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (Khóa XIV): Nghị quyết về phát triển ngành nông nghiệp hiện đại, bền vững, có giá trị gia tăng cao; Nghị quyết về phát triển du lịch đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết về phát triển công nghiệp đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết về chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.
- Luật Giáo dục nghề nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII thông qua ngày 27/11/2014.
- Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/2/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật giáo dục nghề nghiệp.
- Quyết định số 1363/QĐ-TTg ngày 11/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh, bổ sung đề án “phát triển trường cao đẳng chất lượng cao đến năm 2025”.
- Quyết định số 2239/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Quyết định số 1772/QĐ-TTg ngày 18/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển Khu du lịch quốc gia Mũi Né, tỉnh Bình Thuận đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

- Quyết định số 1701/QĐ-TTg ngày 27/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Thuận thời kỳ 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2050.

- Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21/10/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ trường cao đẳng.

- Thông tư số 35/2021/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí và quy trình đánh giá, công nhận trường cao đẳng chất lượng cao.

- Quyết định số 1525/QĐ-UBND ngày 11/7/2022 của UBND tỉnh Bình Thuận về phê duyệt Đề án Đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực du lịch tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030.

- Kế hoạch số 4393/KH-UBND ngày 10/11/2020 của UBND Tỉnh, triển khai thực hiện Chỉ thị số 24/CT-TTg ngày 28/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nhân lực có kỹ năng nghề, góp phần nâng cao năng suất lao động và năng lực cạnh tranh quốc gia trong tình hình mới.

- Kế hoạch 2971/KH-UBND ngày 08/9/2022 của UBND tỉnh Bình Thuận về phê duyệt Đề án phát triển kinh tế ban đêm tỉnh Bình Thuận đến năm 2030.

- Kế hoạch số 4453/KH-UBND ngày 15/11/2023 của UBND tỉnh Bình Thuận triển khai thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW, ngày 04/5/2023 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Quyết định số 2648/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 của UBND tỉnh Bình Thuận về phê duyệt Đề án phát triển kinh tế ban đêm tại tỉnh Bình Thuận đến năm 2030.

- Đề án 698/ĐA-UBND ngày 11/3/2022 của UBND tỉnh Bình Thuận Sáp nhập Trường Cao đẳng Cộng đồng Bình Thuận, Trường Cao đẳng Y tế Bình Thuận vào Trường Cao đẳng Nghề Bình Thuận và đổi tên thành Trường Cao đẳng Bình Thuận.

II. SỨ MẠNG, TẦM NHÌN VÀ PHƯƠNG CHÂM HÀNH ĐỘNG

2.1. Sứ mạng

Trường Cao đẳng Bình Thuận là cơ sở đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng trong nhiều lĩnh vực trực tiếp cho sản xuất, kinh doanh và dịch vụ, đáp

ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và các vùng lân cận; phục vụ công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; phấn đấu trở thành một trung tâm học tập, nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ và có một môi trường giáo dục lành mạnh, linh hoạt, thân thiện.

2.2. Tầm nhìn

Phát triển Trường Cao đẳng Bình Thuận đến năm 2030 thành một cơ sở giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế; đảm bảo chương trình, nội dung, hình thức giáo dục nghề nghiệp đa ngành, đa hệ, đa cấp, đa phương thức; kết hợp có hiệu quả giữa đào tạo và sử dụng, đào tạo và nghiên cứu; cung cấp các loại hình dịch vụ, tổ chức sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến các ngành do Trường đào tạo.

Phấn đấu đến năm 2040, Trường trở thành địa chỉ phát triển về giáo dục nghề nghiệp của cả nước, bắt kịp trình độ tiên tiến của khu vực và thế giới, có năng lực cạnh tranh ở một số lĩnh vực, ngành, nghề đào tạo.

2.3. Phương châm hành động

"Cao đẳng Bình Thuận - Vì nguồn nhân lực chất lượng cao, vì sự phát triển của giáo dục nghề nghiệp".

III. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN CHỦ YẾU

3.1. Giai đoạn 2024-2025

3.1.1. Mục tiêu chung

Tập trung ổn định tổ chức và hoạt động, nâng cao chất lượng các chương trình đào tạo hiện có, nhất là các ngành nghề trọng điểm, đảm bảo chất lượng đào tạo nghề của Trường tiếp cận trình độ quốc gia, khu vực ASEAN; góp phần nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo trên địa bàn tỉnh có bằng cấp, chứng chỉ từ 30% - 32%. Từng bước mở rộng ngành nghề đào tạo nhân lực phục vụ 03 trụ cột phát triển kinh tế của tỉnh (nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, du lịch, năng lượng tái tạo).

Nâng cao chất lượng một số dịch vụ hiện có (lưu trú, phục vụ hội nghị, hội thảo, cho thuê cơ sở vật chất, phục vụ các kỳ thi, cơ sở dạy lái xe mô tô...). Từng bước chuẩn bị các điều kiện để mở rộng thêm một số dịch vụ phù hợp với các ngành nghề đào tạo (cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở bồi dưỡng văn hóa phổ thông, cơ sở sửa chữa cơ khí ô tô, cơ sở sửa chữa điện dân dụng - điện lạnh, cơ sở dịch vụ du lịch - nhà hàng, cơ sở khám chữa bệnh theo mô hình y học gia

đình, cơ sở dạy lái xe ô tô...), vừa là cơ sở thực hành của học sinh, sinh viên, vừa tạo nguồn thu bảo đảm một phần kinh phí hoạt động của trường.

3.1.2. Mục tiêu cụ thể

a. Về quy mô đào tạo và hoạt động đào tạo:

- Bình quân hằng năm tuyển mới 1.200 học sinh, sinh viên, trong đó có 40% trình độ cao đẳng, 30% trình độ trung cấp và 30% trình độ sơ cấp và đào tạo ngắn hạn.

- Thu hút trên 8% học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở và trung học phổ thông trong tỉnh vào Trường.

- Đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho trên 15% lực lượng lao động trong tỉnh; tỷ lệ lao động là người dân tộc thiểu số trong tỉnh qua đào tạo nghề nghiệp trên 20%.

- Tổ chức các lớp bồi dưỡng giáo viên bậc học mầm non đạt chuẩn theo Luật giáo dục 2019 cho các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn toàn tỉnh.

- Mở rộng hợp tác với các trường đại học có uy tín để đáp ứng nhu cầu đào tạo đại học và sau đại học của tỉnh.

- Phấn đấu trên 60% ngành, nghề đào tạo được xây dựng, cập nhật chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia.

b. Về trình độ nhà giáo

- 100% nhà giáo có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc tương đương trở lên; phấn đấu 50% nhà giáo có trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo quy định; 95% nhà giáo có bằng cử nhân hoặc tương đương trở lên, phù hợp với ngành, nghề giảng dạy; 60% đội ngũ nhà giáo có chứng chỉ kỹ năng nghề để giảng dạy thực hành trình độ cao đẳng hoặc văn bằng, chứng chỉ tương đương trở lên.

- Hằng năm cử từ 03 đến 05 nhà giáo đi đào tạo sau đại học; phấn đấu có 01 - 02 nhà giáo đạt học vị tiến sĩ hoặc tương đương.

c. Về gắn kết với doanh nghiệp trong đào tạo và việc làm sau đào tạo

- Hằng năm, trường cung cấp ít nhất 02 khóa hoặc lớp đào tạo, bồi dưỡng cho người lao động của doanh nghiệp được doanh nghiệp và người lao động đánh giá có chất lượng và hiệu quả.

- Thời gian đào tạo thực hành, thực tập tại doanh nghiệp chiếm ít nhất 20% tổng thời gian khóa học; có hoạt động gắn kết với doanh nghiệp để sản xuất, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ.

- Trong vòng 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp, ít nhất 80% tổng số học sinh, sinh viên hệ trung cấp, cao đẳng tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành, nghề được đào tạo.

d. Về quản trị nhà trường

- Trường xây dựng và vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng theo quy định.

- Các hoạt động của trường được số hóa, kết nối, chia sẻ và tương tác; thực hiện quản trị, điều hành trường dựa trên dữ liệu và các công nghệ số.

e. Về trình độ học sinh, sinh viên sau đào tạo

- Phần đầu đến năm 2025 trường có học sinh, sinh viên đạt giải tại các cuộc thi cấp quốc gia do ngành giáo dục nghề nghiệp phát động, tổ chức hoặc được tuyên dương xuất sắc, tiêu biểu cấp tỉnh, bộ, ngành, quốc gia hoặc có đề tài nghiên cứu ứng dụng được công nhận cấp tỉnh, bộ, ngành, quốc gia.

- Phần đầu có ít nhất 01 ý tưởng, dự án khởi nghiệp của học sinh, sinh viên được hỗ trợ đầu tư từ nguồn kinh phí phù hợp.

g. Về hoạt động dịch vụ

Ổn định và từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ lưu trú, phục vụ hội nghị, hội thảo, du lịch đạt chuẩn khách sạn - nhà hàng - trung tâm dịch vụ du lịch đáp ứng đối tượng khách hàng chủ yếu là giảng viên và học sinh, sinh viên trong và ngoài tỉnh.

h. Nghiên cứu khoa học

Xây dựng đội ngũ và môi trường nghiên cứu khoa học từng bước chuyên sâu, hiện đại, bước đầu tham gia thực hiện một số đề tài, dự án cấp tỉnh phù hợp với thế mạnh của trường đồng thời gắn kết chặt chẽ với tình hình phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Giai đoạn 2024-2025, Trường có ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh, cấp bộ; hằng năm hợp tác với doanh nghiệp để thực hiện ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học ứng dụng thực tiễn hoặc chuyển giao công nghệ.

i. Hợp tác quốc tế

Duy trì và phát huy các mối quan hệ với các tổ chức có chức năng cung ứng nhân lực đi làm việc ở nước ngoài, từng bước xây dựng quan hệ với các doanh nghiệp nước ngoài đang hoạt động trên địa bàn tỉnh để hợp tác đào tạo và cung ứng nhân lực chất lượng cao.

3.2. Giai đoạn 2026-2030

3.2.1. Mục tiêu chung

Tập trung nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục nghề nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực có kỹ năng nghề quốc gia và các nước đang phát triển; góp phần nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo trên địa bàn tỉnh có bằng cấp, chứng chỉ từ 32% - 37%. Trước mắt tập trung phát triển các ngành nghề trọng điểm, ngành nghề đào tạo nhân lực phục vụ 03 trụ cột phát triển kinh tế của tỉnh (nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, du lịch, năng lượng tái tạo). Phấn đấu đến năm 2030, Trường được công nhận là trường cao đẳng chất lượng cao.

Thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở sửa chữa cơ khí, cơ sở sửa chữa điện dân dụng - điện lạnh, cơ sở khám chữa bệnh theo mô hình y học gia đình. Nghiên cứu hình thành cơ sở dịch vụ chất lượng cao về chăm sóc sức khỏe - điều dưỡng kết hợp du lịch - nghỉ dưỡng hướng đến đối tượng khách hàng là người lớn tuổi, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo thực hành đồng thời phấn đấu bảo đảm tự chủ 50% kinh phí hoạt động.

3.2.2. Mục tiêu cụ thể

a. Về quy mô đào tạo và hoạt động đào tạo:

- Bình quân hằng năm tuyển mới 1.500 học sinh, sinh viên, trong đó có 60% trình độ cao đẳng, 20% trình độ trung cấp và 20% trình độ sơ cấp và đào tạo thường xuyên.

- Thu hút trên 12% học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở và trung học phổ thông trong tỉnh vào Trường.

- Đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho trên 25% lực lượng lao động trong tỉnh; tỷ lệ lao động là người dân tộc thiểu số trong tỉnh qua đào tạo nghề nghiệp trên 30%.

- Tổ chức các lớp bồi dưỡng giáo viên bậc học mầm non đạt chuẩn theo Luật giáo dục 2019 cho các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn toàn tỉnh.

- Mở rộng hợp tác với các trường đại học có uy tín, nghiên cứu hợp tác hình thành phân hiệu đại học tại tỉnh trong khuôn viên trường đáp ứng nhu cầu đào tạo đại học và sau đại học của tỉnh.

- Đa dạng hóa các loại hình đào tạo theo hướng xã hội hóa nhằm một mặt đáp ứng yêu cầu phát triển xã hội, mặt khác khai thác một cách hiệu quả tiềm năng phát triển của Trường (đào tạo liên kết, đào tạo ngắn hạn, đào tạo theo đặt hàng của nhà tuyển dụng...).

- Phấn đấu trên 80% ngành, nghề đào tạo được xây dựng, cập nhật chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia.

b. Về trình độ nhà giáo

- 100% nhà giáo có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc tương đương trở lên; phần đầu 60% nhà giáo có trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo quy định; 100% nhà giáo có bằng cử nhân hoặc tương đương trở lên, phù hợp với ngành, nghề giảng dạy, trong đó ít nhất 70% có trình độ sau đại học; 70% đội ngũ nhà giáo có chứng chỉ kỹ năng nghề để giảng dạy thực hành trình độ cao đẳng hoặc văn bằng, chứng chỉ tương đương trở lên.

- Hằng năm, ít nhất 50% đội ngũ nhà giáo được bồi dưỡng để cập nhật công nghệ mới thuộc lĩnh vực ngành, nghề giảng dạy với thời gian bồi dưỡng tối thiểu 80 giờ; cứ từ 03 đến 05 nhà giáo đi đào tạo sau đại học, phần đầu có 01 - 02 nhà giáo đạt học vị tiến sĩ hoặc tương đương.

c. Về gắn kết với doanh nghiệp trong đào tạo và việc làm sau đào tạo

- Hằng năm, trường cung cấp ít nhất 04 khóa hoặc lớp đào tạo, bồi dưỡng cho người lao động của doanh nghiệp được doanh nghiệp và người lao động đánh giá có chất lượng và hiệu quả.

- Thời gian đào tạo thực hành, thực tập tại doanh nghiệp chiếm ít nhất 20% tổng thời gian khóa học; có hoạt động gắn kết với doanh nghiệp để sản xuất, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ.

- Trong vòng 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp, ít nhất 85% tổng số học sinh, sinh viên hệ trung cấp, cao đẳng tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành, nghề được đào tạo.

d. Về quản trị nhà trường

- Trường đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng và có ít nhất 50% chương trình đào tạo các ngành, nghề trọng điểm đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng.

- Trường học có môi trường giáo dục hiện đại, đồng bộ theo tiêu chí xanh, bao gồm các điều kiện thiết yếu cho người khuyết tật; an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường.

- Các hoạt động của trường được số hóa, kết nối, chia sẻ và tương tác; thực hiện quản trị, điều hành trường dựa trên dữ liệu và các công nghệ số. Trang thông tin điện tử của trường được thể hiện ít nhất bằng 02 ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Anh, có đầy đủ các nội dung gồm: cam kết chất lượng đào tạo và chất lượng đào tạo thực tế; điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo; thu chi tài chính.

- Trường có hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến và bảo đảm các điều kiện cho đào tạo trực tuyến đối với ít nhất 30% môn học, mô đun của ngành, nghề đào tạo.

- Hằng năm có ít nhất 01 bài báo hoặc công trình khoa học của nhà giáo, nhân viên, cán bộ quản lý được công bố trên các tạp chí khoa học được tính điểm hoặc ấn phẩm tương đương.

e. Về trình độ học sinh, sinh viên sau đào tạo

- Tỷ lệ học sinh, sinh viên tốt nghiệp có các kỹ năng công nghệ thông tin đạt 100%.

- Trường có học sinh, sinh viên đạt giải tại các cuộc thi cấp quốc tế, khu vực hoặc quốc gia do ngành giáo dục nghề nghiệp phát động, tổ chức hoặc được tuyên dương xuất sắc, tiêu biểu cấp tỉnh, bộ, ngành, quốc gia hoặc có đề tài nghiên cứu ứng dụng được công nhận cấp tỉnh, bộ, ngành, quốc gia.

- Hằng năm, đối với mỗi ngành, nghề đào tạo trường tổ chức khảo sát ít nhất 02 doanh nghiệp có học sinh, sinh viên vừa tốt nghiệp trong vòng 12 tháng đang làm việc; ít nhất 80% các doanh nghiệp được khảo sát khẳng định năng lực của học sinh, sinh viên tốt nghiệp hệ trung cấp, cao đẳng đáp ứng yêu cầu công việc.

- Hằng năm, có ít nhất 01 ý tưởng, dự án khởi nghiệp của học sinh, sinh viên được hỗ trợ đầu tư từ nguồn kinh phí phù hợp hoặc kết nối với các doanh nghiệp, các quỹ đầu tư mạo hiểm.

g. Về hoạt động dịch vụ

- Nâng cao chất lượng các dịch vụ đã có, xây dựng các dịch vụ mới theo 2 hướng kết hợp cơ khí ô tô - điện dân dụng và kết hợp chăm sóc giáo dục mầm non - chăm sóc sức khỏe.

- Bảo đảm tự chủ 50% kinh phí hoạt động.

h. Nghiên cứu khoa học

Có ít nhất 02 đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh, cấp bộ; hằng năm hợp tác với doanh nghiệp để thực hiện ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học ứng dụng thực tiễn hoặc chuyển giao công nghệ.

i. Hợp tác quốc tế

Tiếp tục phát huy các mối quan hệ với các tổ chức có chức năng cung ứng nhân lực đi làm việc ở nước ngoài, củng cố quan hệ với các doanh nghiệp nước ngoài đang hoạt động trên địa bàn tỉnh để hợp tác đào tạo và cung ứng nhân lực chất lượng cao. Thiết lập mối quan hệ với các đối tác nước ngoài để nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học.

3.3. Giai đoạn 2030-2040

3.3.1. Mục tiêu chung

Giáo dục nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu nhân lực có kỹ năng nghề cao; trở thành cơ sở phát triển về giáo dục nghề nghiệp của khu vực và cả nước, bắt kịp trình độ tiên tiến của thế giới, có năng lực cạnh tranh ở một số lĩnh vực, ngành, nghề đào tạo; tham gia vào thị trường đào tạo nhân lực quốc tế.

Thành lập cơ sở đào tạo lái xe ô tô và cơ sở dịch vụ chất lượng cao về chăm sóc sức khỏe - điều dưỡng kết hợp du lịch - nghỉ dưỡng; phấn đấu bảo đảm tự chủ 90% kinh phí hoạt động.

3.3.2. Mục tiêu cụ thể

a. Về quy mô đào tạo và hoạt động đào tạo:

- Bình quân hằng năm tuyển mới 2.000 đến 2.500 học sinh, sinh viên, trong đó có 80% trình độ cao đẳng; 20% trình độ trung cấp, sơ cấp và đào tạo thường xuyên.

- Thu hút trên 15% học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở và trung học phổ thông trong tỉnh vào Trường.

- Đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho trên 30% lực lượng lao động; tỷ lệ lao động là người dân tộc thiểu số qua đào tạo nghề nghiệp trên 30%.

- Phấn đấu trên 90% ngành, nghề đào tạo được xây dựng, cập nhật chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia.

- Trường có cơ sở đào tạo lái xe ô tô và đào tạo nghề lái xe ô tô cho người lao động.

- Trường được một trường đại học đặt phân hiệu đáp ứng nhu cầu đào tạo đại học và sau đại học của tỉnh.

b. Về trình độ nhà giáo

- 100% nhà giáo có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc tương đương trở lên; phấn đấu 60% nhà giáo có trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo quy định; 100% nhà giáo có bằng cử nhân hoặc tương đương trở lên, phù hợp với ngành, nghề giảng dạy, trong đó ít nhất 80% có trình độ sau đại học; 70% đội ngũ nhà giáo có chứng chỉ kỹ năng nghề để giảng dạy thực hành trình độ cao đẳng hoặc văn bằng, chứng chỉ tương đương trở lên.

- Hằng năm, ít nhất 60% đội ngũ nhà giáo được bồi dưỡng để cập nhật công nghệ mới thuộc lĩnh vực ngành, nghề giảng dạy với thời gian bồi dưỡng tối thiểu 80 giờ; cử từ 03 đến 05 nhà giáo đi đào tạo sau đại học.

c. Về gắn kết với doanh nghiệp trong đào tạo và việc làm sau đào tạo

- Hằng năm, trường cung cấp ít nhất 05 khóa hoặc lớp đào tạo, bồi dưỡng cho người lao động của doanh nghiệp được doanh nghiệp và người lao động đánh giá có chất lượng và hiệu quả.

- Thời gian đào tạo thực hành, thực tập tại doanh nghiệp chiếm ít nhất 20% tổng thời gian khóa học; có hoạt động gắn kết với doanh nghiệp để sản xuất, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ.

- Các thiết bị đào tạo đạt mức tương đương công nghệ tiên tiến áp dụng tại doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu triển khai chương trình đào tạo.

- Hằng năm trường hợp tác với doanh nghiệp để thực hiện ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học ứng dụng thực tiễn hoặc chuyển giao công nghệ.

- Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, ít nhất 90% tổng số học sinh, sinh viên hệ trung cấp, cao đẳng tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành, nghề được đào tạo.

d. Về quản trị nhà trường

- Trường học có môi trường giáo dục hiện đại, đồng bộ theo tiêu chí xanh, bao gồm các điều kiện thiết yếu cho người khuyết tật; an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường.

- Các hoạt động của trường được số hóa, kết nối, chia sẻ và tương tác; thực hiện quản trị, điều hành trường dựa trên dữ liệu và các công nghệ số. Trang thông tin điện tử của trường được thể hiện ít nhất bằng 02 ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Anh, có đầy đủ các nội dung gồm: cam kết chất lượng đào tạo và chất lượng đào tạo thực tế; điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo; thu chi tài chính.

- Trường có hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến và bảo đảm các điều kiện cho đào tạo trực tuyến đối với ít nhất 30% môn học, mô đun của ngành, nghề đào tạo.

- Hằng năm có ít nhất 01 bài báo hoặc công trình khoa học của nhà giáo, nhân viên, cán bộ quản lý được công bố trên các tạp chí khoa học được tính điểm hoặc ấn phẩm tương đương.

e. Về trình độ học sinh, sinh viên sau đào tạo

- Tỷ lệ học sinh, sinh viên tốt nghiệp có các kỹ năng công nghệ thông tin đạt 100%.

- Phấn đấu hằng năm trường có học sinh, sinh viên đạt giải tại các cuộc thi cấp quốc tế, khu vực hoặc quốc gia do ngành giáo dục nghề nghiệp phát động, tổ chức hoặc được tuyên dương xuất sắc, tiêu biểu cấp tỉnh, bộ, ngành, quốc gia

hoặc có đề tài nghiên cứu ứng dụng được công nhận cấp tỉnh, bộ, ngành, quốc gia.

- Hằng năm, đối với mỗi ngành, nghề đào tạo trường tổ chức khảo sát ít nhất 02 doanh nghiệp có học sinh, sinh viên vừa tốt nghiệp trong vòng 12 tháng đang làm việc; ít nhất 80% các doanh nghiệp được khảo sát khẳng định năng lực của học sinh, sinh viên tốt nghiệp hệ trung cấp, cao đẳng đáp ứng yêu cầu công việc.

- Hằng năm, có ít nhất 01 ý tưởng, dự án khởi nghiệp của học sinh, sinh viên được hỗ trợ đầu tư từ nguồn kinh phí phù hợp hoặc kết nối với các doanh nghiệp, các quỹ đầu tư mạo hiểm.

g. Về hoạt động dịch vụ

- Nâng cao chất lượng các dịch vụ đã có, xây dựng các dịch vụ mới trong đó chú trọng dịch vụ chăm sóc sức khỏe, điều dưỡng - nghỉ dưỡng, du lịch, hội nghị, hội thảo.

- Thành lập cơ sở đào tạo lái xe ô tô và cơ sở dịch vụ chất lượng cao về chăm sóc sức khỏe - điều dưỡng kết hợp du lịch - nghỉ dưỡng.

- Bảo đảm tự chủ 90% kinh phí hoạt động.

h. Nghiên cứu khoa học

Phân đầu giai đoạn này Trường có ít nhất 04 đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh, cấp bộ.

i. Hợp tác quốc tế

Tiếp tục thiết lập mối quan hệ với các đối tác nước ngoài như các trường có trụ sở tại nước ngoài, văn phòng đại diện cơ sở giáo dục nước ngoài tại Việt Nam, trường có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam,... và các tổ chức quốc tế như các tổ chức chính phủ, phi chính phủ, viện nghiên cứu, hiệp hội quốc tế,... để nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

4.1. Nâng cao chất lượng đào tạo và phát triển ngành, nghề đào tạo

- Đổi mới quy trình, phương pháp phát triển chương trình đào tạo đáp ứng chuẩn đầu ra và khối lượng học tập tối thiểu; chú trọng đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho người lao động. Giáo dục toàn diện, chú trọng đến phát triển phẩm chất, bình đẳng giới, hình thành các kỹ năng cốt lõi, kỹ năng mềm, kỹ năng số, trình độ ngoại ngữ và cá thể hóa người học. Đa dạng hóa phương thức tổ chức đào tạo. Xây dựng, cập nhật chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam có tham chiếu các chuẩn khu vực và quốc tế.

Định kỳ rà soát, chỉnh sửa và bổ sung chương trình đào tạo nhằm cập nhật kiến thức mới, các kỹ năng cần thiết. Phát triển và nâng cao chất lượng các chương trình đào tạo. Từng bước tiếp cận chương trình đào tạo khu vực, chương trình đào tạo của các nước tiên tiến. Phát triển chương trình đào tạo các ngành nghề mới, các ngành nghề có ứng dụng công nghệ mới và các chương trình đào tạo cho người lao động trong các doanh nghiệp bảo đảm đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động.

- Tổ chức biên soạn giáo trình đối với các môn học, mô đun đồng thời với việc số hóa và khai thác qua hệ thống thư viện điện tử.

- Đầu tư nâng cấp nhà xưởng, phòng học, mua sắm trang thiết bị đào tạo các ngành nghề trọng điểm cấp độ quốc gia, ASEAN.

- Liên tục đổi mới đồng thời ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kiểm tra đánh giá người học.

- Khảo sát và dự báo nhu cầu nhân lực của thị trường lao động nhằm xác định cơ cấu ngành nghề đào tạo phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của địa phương. (*Phụ lục số 02*)

4.2. Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý và nhà giáo

- Xây dựng đề án vị trí việc làm để làm cơ sở rà soát, sắp xếp lại nhân lực trong phạm vi toàn Trường. Quy hoạch tổng thể đội ngũ nhà giáo, làm rõ số lượng, yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, về lứa tuổi và giới tính của từng chuyên ngành đào tạo. Thực hiện quy hoạch cán bộ lãnh đạo và quản lý, tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực lãnh đạo của đội ngũ cán bộ quản lý. (*Phụ lục số 03*)

- Tạo điều kiện để nhà giáo, cán bộ quản lý tham gia thỉnh giảng các trường khác, được đi làm việc thực tế tại các doanh nghiệp sản xuất, tham quan, học tập ở nước ngoài; mời các chuyên gia quốc tế, người Việt Nam ở nước ngoài tham gia giảng dạy tại Trường. Phối hợp với các trường đại học, các viện nghiên cứu, các tổ chức khoa học công nghệ và các doanh nghiệp để thực hiện nghiên cứu khoa học, bồi dưỡng năng lực nhà giáo.

- Thực hiện đầy đủ chế độ chính sách đãi ngộ, chăm lo cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho đội ngũ viên chức, người lao động.

4.3. Duy trì và gắn kết quan hệ doanh nghiệp

- Đẩy mạnh hợp tác, gắn kết chặt chẽ giữa Trường với doanh nghiệp, người sử dụng lao động trong các hoạt động đào tạo nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nghề, nhất là chất lượng lao động có kỹ năng nghề cao. Phối hợp với doanh nghiệp, người sử dụng lao động tổ chức thực hiện tốt việc điều tra cung - cầu lao động, dự báo thị trường lao động, việc làm và dự báo nhu cầu đào tạo nghề.

- Mời doanh nghiệp tham gia quá trình thiết kế chương trình đào tạo để đảm bảo nội dung đào tạo phù hợp với yêu cầu thực tế của doanh nghiệp. Đổi mới, đa dạng phương thức kiểm tra, đánh giá, có sự tham gia và thừa nhận của doanh nghiệp và người sử dụng lao động. Khuyến khích doanh nghiệp tham gia hỗ trợ quá trình đào tạo và chuyển giao công nghệ.

- Tăng cường gắn kết với trung tâm dịch vụ việc làm, phối hợp với doanh nghiệp và các đơn vị liên quan định kỳ tổ chức hội chợ việc làm nhằm hỗ trợ người học tìm việc làm sau tốt nghiệp.

4.4. Đảm bảo công tác quản trị nhà trường, xây dựng và vận hành hiệu quả hệ thống đảm bảo chất lượng, đầu tư phát triển cơ sở vật chất, xây dựng thương hiệu và bảo đảm ngân sách hoạt động

4.4.1. Về quản trị nhà trường

- Sắp xếp bộ máy quản lý tinh gọn, hiệu quả, phù hợp với yêu cầu phát triển của Trường trong từng giai đoạn. Duy trì ổn định cơ cấu bộ máy như hiện nay đến năm 2025. Giai đoạn 2026-2030 tiếp tục duy trì ổn định số lượng đơn vị trực thuộc Trường nhưng tùy theo yêu cầu phát triển có thể sáp nhập một số đơn vị hiện nay và thành lập mới một số đơn vị trực thuộc Trường, chủ yếu là các đơn vị sản xuất - dịch vụ.

- Triển khai các chương trình hành động: Cải cách hành chính; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; thực hiện Luật phòng, chống tham nhũng. Ứng dụng các phần mềm tin học trong công tác: Quản lý đào tạo; nhân sự; hành chính; tài chính; văn thư, lưu trữ,... Duy trì hoạt động của website Trường và các website thành viên để phục vụ tốt nhất cho công tác tuyển sinh, công tác đào tạo, tuyên truyền, khai thác thông tin,...

4.4.2. Về đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp

- Tổ chức công tác tự đánh giá chất lượng Trường, các chương trình đào tạo trọng điểm khu vực/quốc gia của Trường và liên tục thực hiện các cải tiến nhằm đáp ứng tiêu chuẩn/tiêu chí kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp. Vận hành, đánh giá, cải tiến có hiệu quả hệ thống đảm bảo chất lượng trong toàn Trường.

- Tăng cường công tác tự kiểm định và kiểm định ngoài đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp và kiểm định chất lượng ngành, nghề đào tạo, nhất là nghề trọng điểm.

- Phấn đấu đạt tiêu chuẩn trường Cao đẳng chất lượng cao theo Thông tư 35/2021/TT-BLĐTBXH quy định tiêu chí và quy trình đánh giá, công nhận trường cao đẳng chất lượng cao của Bộ LĐTBXH. (Phụ lục số 04)

4.4.3. Về đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo

- Bổ sung thiết bị dụng cụ đảm bảo các hệ thống thiết bị đồng bộ, hiệu quả trong đào tạo theo chuẩn của từng nghề. Phấn đấu xây dựng một số cơ sở thực hành đạt chuẩn quốc gia gắn với tổ chức các hoạt động dịch vụ - sản xuất. Nâng cấp thư viện và cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin tạo điều kiện cho người học tiếp cận tốt với Internet phục vụ học tập.

- Trước mắt duy trì và phát triển 4 cơ sở hiện nay theo hướng tập trung chuyên sâu. Trong đó xây dựng cơ sở chính phục vụ chủ yếu cho đào tạo và dịch vụ sản xuất khối ngành Kỹ thuật và Kinh tế; cơ sở 2 phục vụ chủ yếu cho đào tạo và dịch vụ sản xuất khối ngành Sư phạm mầm non và Du lịch - Dịch vụ; cơ sở 3 phục vụ chủ yếu cho đào tạo khối ngành sức khỏe và kết hợp chăm sóc sức khỏe cho người dân và cơ sở 4 phục vụ chủ yếu cho khối ngành Công nghệ thông tin và Ngoại ngữ, đồng thời là cơ sở liên kết đào tạo bồi dưỡng.

Giai đoạn sau 2030 định hướng sắp xếp số lượng cơ sở của trường còn 03 cơ sở để tập trung nguồn lực xây dựng và phát triển. Đồng thời, xin chủ trương đầu tư xây dựng tại cơ sở chính khối nhà làm việc, khối giảng đường đáp ứng yêu cầu của hoạt động của Trường (với kinh phí dự kiến khoảng 200 tỉ đồng từ nguồn xổ số kiến thiết), bao gồm các ngành đào tạo hiện nay của cơ sở chính và cơ sở 2 (Kỹ thuật, Kinh tế, Sư phạm mầm non, Du lịch - Dịch vụ). Đảm bảo tại cơ sở chính có đầy đủ khu hiệu bộ, phòng học lý thuyết, xưởng/ phòng thực hành, hệ thống thư viện, ký túc xá, khu thể thao đáp ứng hoạt động của Trường. Phát triển 02 cơ sở phụ thành các đơn vị đào tạo kết hợp dịch vụ, nghiên cứu thuộc Trường.

4.4.4. Về xây dựng và quảng bá hình ảnh, chất lượng đào tạo của nhà trường và công tác hướng nghiệp, tuyển sinh

- Tăng cường quảng bá, tư vấn, giới thiệu về trường, các nghề đào tạo và sản phẩm đào tạo của trường đủ khả năng cạnh tranh trên thị trường lao động. Xây dựng cụ thể các hình thức, phương thức quảng bá tuyển sinh đối với từng hệ, ngành nghề đào tạo.

- Thường xuyên tổ chức khảo sát nhu cầu nhân lực, xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch tuyển sinh hằng năm, chủ động liên hệ với các trường phổ thông, các địa phương để tuyên truyền, thông tin và tư vấn tuyển sinh về các ngành, nghề của trường.

- Liên kết, phối hợp với các doanh nghiệp để người học có điều kiện thực tập tại các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp cũng như giải quyết việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.

4.4.5. Đảm bảo nguồn tài chính cho hoạt động của nhà trường

- Nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước; tăng cường các nguồn thu hiện nay của nhà trường. Đồng thời, nghiên cứu mở rộng các nguồn thu từ lao động sản xuất và dịch vụ, từ các hoạt động ứng dụng khoa học và chuyển giao công nghệ, cung cấp các dịch vụ chất lượng cao theo nhu cầu xã hội. Bên cạnh đó, đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục nghề nghiệp nhằm có thêm nguồn đầu tư cho phát triển lâu dài và bền vững của nhà trường, phấn đấu từng bước tiến đến tự chủ hoàn toàn hoạt động tài chính.

- Xây dựng kế hoạch tài chính cho từng giai đoạn phát triển của Nhà trường đảm bảo nguồn thu và đầu tư các hạng mục trong từng giai đoạn phát triển. (*Phụ lục số 05*)

4.5. Lấy người học làm trung tâm trong mọi hoạt động của nhà trường

- Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho học sinh, sinh viên. Nâng cao chất lượng đào tạo, đảm bảo cho sinh viên, học sinh có tinh thần yêu nước và trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc, có kỹ năng chuyên môn, kỹ năng số, kỹ năng mềm, kỹ năng khởi nghiệp đáp ứng yêu cầu của công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; có tính năng động, sáng tạo, có khả năng thích ứng trong cơ chế thị trường và tốt nghiệp ra trường có việc làm phù hợp.

- Tăng cường công tác chăm lo, phục vụ học sinh, sinh viên; đảm bảo tính chuyên nghiệp, hiện đại trong một môi trường dạy và học. Người học được đối xử bình đẳng, được tôn trọng và đảm bảo các quyền lợi trong thời gian học tập và rèn luyện tại trường. Thực hiện công bằng trong đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của học sinh, sinh viên. Nâng cao chất lượng ký túc xá, thư viện, sân bãi, nhà tập luyện và thi đấu thể dục thể thao và các dịch vụ hỗ trợ cho người học nội trú và ngoại trú. Thường xuyên tổ chức các hoạt động phong trào, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao; tạo môi trường thuận lợi, đầu tư trang thiết bị cho các câu lạc bộ sinh viên hoạt động để khuyến khích người học sáng tạo; vận động và hỗ trợ người học tham gia các hoạt động xã hội. Giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự, an toàn trong trường học; xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, tư vấn hướng nghiệp cho người học. Giới thiệu cơ sở thực tập, giới thiệu việc làm cho học sinh, sinh viên; tổ chức gặp gỡ trao đổi kinh nghiệm giữa cựu học sinh, sinh viên đang làm việc tại doanh nghiệp với học sinh, sinh viên chuẩn bị tốt nghiệp nhằm cung cấp thông tin và kinh nghiệm cho các học sinh, sinh viên.

4.6. Đa dạng hóa các loại hình dịch vụ, sản xuất

- Mở các loại hình dịch vụ có liên quan đến các khối ngành mà Trường có thế mạnh như Y Dược, Sư phạm, Kinh tế, Du lịch, Kỹ thuật, Công nghệ ô tô,...

nhằm thực hiện đào tạo gắn với sản xuất qua đó nâng cao chất lượng đào tạo, giúp người học học sinh, sinh viên có môi trường để thực tập, sản xuất, nâng cao tay nghề đồng thời để có thêm nguồn tài chính cho Trường.

- Liên kết với các doanh nghiệp, các tổ chức để làm dịch vụ tư vấn bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt thiết bị, gia công các sản phẩm.

- Tranh thủ mọi nguồn lực, sự ủng hộ của các cấp, các ngành, các mối quan hệ trong và ngoài nước để tìm kiếm, bổ sung nguồn lực cho hoạt động dịch vụ sản xuất. (*Phụ lục số 06*)

4.7. Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học gắn với hoạt động đào tạo

- Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng phục vụ kinh tế - xã hội, chú trọng ba trụ cột phát triển của tỉnh Bình Thuận. Tổ chức hội thảo khoa học, hội nghị chuyên đề về các hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ cấp trường, cấp tỉnh; làm đầu mối tổ chức và tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia và quốc tế. Tiếp tục khuyến khích các nhà giáo thực hiện các đề tài khoa học, sáng kiến kinh nghiệm, các giải pháp hỗ trợ cho công tác chuyên môn của Nhà trường.

- Thành lập các Câu lạc bộ, các đội nhóm gồm các thành viên say mê nghiên cứu khoa học để tham gia các cuộc thi cấp tỉnh, khu vực và toàn quốc. Xây dựng các chương trình hỗ trợ khởi nghiệp và sáng tạo trong giáo dục nghề nghiệp, tạo cơ hội cho học sinh, sinh viên phát triển ý tưởng và khởi nghiệp.

4.8. Chủ động hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế

- Tranh thủ tìm kiếm cơ hội hợp tác với các đối tác ở ngoài nước. Thực hiện đàm phán, ký kết các Biên bản ghi nhớ thỏa thuận hợp tác với các đối tác nước ngoài về các chương trình thực tập sinh, trao đổi giảng viên và sinh viên theo đúng quy định của pháp luật.

- Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ phụ trách hợp tác quốc tế. Tạo điều kiện cho viên chức, lao động nhà trường tham gia các khóa tập huấn, hội thảo, hội nghị quốc tế để có cơ hội tiếp cận với các đối tác tiềm năng.

- Chủ động tìm hiểu, nắm bắt thông tin về các tổ chức nước ngoài để xây dựng kế hoạch phát triển quan hệ đối tác và thu hút sự đầu tư của các tổ chức quốc tế vào các hoạt động của Trường.

V. PHÂN CÔNG TỔ CHỨC THỰC HIỆN

5.1. Đảng ủy - Hội đồng trường - Ban Giám hiệu

- Đối với Ban Chấp hành Đảng bộ: Đảng ủy nhà trường thực sự đi đầu, đổi mới, gương mẫu nhằm đưa ra các chủ trương, định hướng và lãnh đạo, chỉ đạo

việc tổ chức thực hiện Chiến lược phát triển trường cho từng thời kỳ, từng giai đoạn phát triển một cách đúng đắn và hiệu quả.

- Đối với Hội đồng trường: hoạch định chiến lược phát triển, tăng cường kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện, kịp thời phát hiện, điều chỉnh bổ sung những quy định, quy chế cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển.

- Đối với Ban Giám hiệu: điều hành thực hiện và chịu trách nhiệm về việc hoàn thành các mục tiêu chiến lược; chỉ đạo xây dựng và phê duyệt kế hoạch, lộ trình cụ thể cho từng năm hoặc từng giai đoạn để thực hiện các nội dung cho các đơn vị trực thuộc theo chức năng, nhiệm vụ; phát huy tính tự chủ, sáng tạo, nội lực của nhà trường trong thực hiện nhiệm vụ.

Thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các mục tiêu nhiệm vụ của Chiến lược. Định kỳ hằng năm tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện các nội dung của Chiến lược, kịp thời điều chỉnh nội dung, mục tiêu, giải pháp thực hiện phù hợp với từng giai đoạn phát triển của Nhà trường.

5.2. Các đơn vị trực thuộc

Đoàn kết, thống nhất, tăng cường sự phối hợp giữa các đơn vị dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy, Ban Giám hiệu trong việc thực hiện các mục tiêu, nội dung của Chiến lược. Trên cơ sở kế hoạch, lộ trình chung toàn trường, căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, các phòng, khoa, trung tâm chủ động xây dựng kế hoạch hành động cụ thể và triển khai thực hiện đạt kết quả.

5.3. Các đoàn thể

Phối hợp tổ chức các hoạt động giáo dục theo kế hoạch chung của nhà trường, bảo đảm thực hiện các nội dung của Chiến lược. Cụ thể hóa Chiến lược bằng những kế hoạch cụ thể theo chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức đoàn thể. Phối hợp sử dụng các nguồn lực xã hội hóa để tổ chức các hoạt động giáo dục, phục vụ cộng đồng bảo đảm đúng mục đích, chất lượng, hiệu quả theo quy định của pháp luật.

VI. KIẾN NGHỊ

6.1. Với Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận

- Tiếp tục quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, định hướng nhà trường hoàn thành các nhiệm vụ trước mắt và từng bước đầu tư phát triển nhằm đạt các mục tiêu dài hạn. Quan tâm chỉ đạo về định mức đào tạo và mức học phí nhằm bảo đảm đáp ứng chất lượng đào tạo; xem xét chế độ chính sách đồng bộ, thống nhất đối với người học bậc trung cấp; giao nhiệm vụ, đặt hàng đào tạo để trường chủ

động kế hoạch tuyển sinh và đào tạo đồng thời chủ động một phần về kinh phí hoạt động.

- Chỉ đạo các sở, ngành liên quan tạo điều kiện cho trường hoàn chỉnh các thủ tục pháp lý khi tiến hành xây dựng các dịch vụ mới thuộc trường như cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở khám chữa bệnh theo mô hình y học gia đình. Tạo điều kiện cho trường liên kết với doanh nghiệp để xã hội hóa nguồn đầu tư cho các dịch vụ - sản xuất. Tạo điều kiện thuận lợi cho trường đăng ký các đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh để phát huy năng lực nghiên cứu của đội ngũ trí thức, góp phần phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

- Quan tâm đề viên chức của trường được cử đi đào tạo, hưởng các chế độ hỗ trợ đào tạo sau đại học trong và ngoài nước và thực hiện thu hút vào làm viên chức (giảng viên) theo các chính sách của tỉnh ở những ngành, lĩnh vực phù hợp với vị trí việc làm hoặc chuyên ngành giảng dạy.

6.2. Với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp

- Kịp thời tham mưu Chính phủ ban hành các văn bản thể chế hóa Chỉ thị 21-CT/TW ngày 04/5/2023 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 nhằm tạo hành lang pháp lý cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoạt động, nhất là chủ trương người học nghề từ bậc trung học cơ sở được học và công nhận tốt nghiệp phổ thông trung học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, chủ trương thành lập các cơ sở thực hành tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp để gắn đào tạo với sản xuất, dịch vụ,....

- Tiếp tục quan tâm đầu tư nâng cao chất lượng các ngành nghề đào tạo trọng điểm đã được phê duyệt, nhất là các ngành kỹ thuật để đạt chuẩn khu vực và quốc tế; xem xét cho phép trường tổ chức tuyển sinh và đào tạo một số chương trình đào tạo ngắn hạn mà xã hội có nhu cầu (chương trình điều dưỡng 6 tháng, chương trình trung cấp điều dưỡng 01 năm để đi lao động ở nước ngoài).

- Tạo điều kiện cho trường tham gia các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học cấp bộ về giáo dục trong đó Bình Thuận là địa bàn nghiên cứu trọng điểm, đại diện cho khu vực Duyên hải Trung bộ hoặc khu vực Đông Nam bộ; tạo điều kiện giới thiệu, kết nối để trường xây dựng quan hệ hợp tác với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Mốc thời gian đạt các tiêu chí theo tiêu chuẩn trường cao đẳng chất lượng cao (Thông tư số 35/2021/TT-BLĐT BXH, ngày 30/12/2021 của Bộ LĐ-TB-XH)

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Mốc thời gian đạt						
	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030
Tiêu chí 1 - Quy mô đào tạo							
1. Tiêu chuẩn 1: Quy mô đào tạo tối thiểu 2.000 học sinh, sinh viên hệ trung cấp, cao đẳng (tính theo số học sinh, sinh viên quy đổi), trong đó tối thiểu 1.000 sinh viên hệ cao đẳng.	x						
2. Tiêu chuẩn 2: Kết thúc khóa đào tạo, tỷ lệ bỏ học của học sinh, sinh viên hệ trung cấp, cao đẳng của toàn trường không vượt quá 20% tổng số tuyển sinh.		x					
3. Tiêu chuẩn 3: Có chương trình đào tạo là chương trình đào tạo chất lượng cao hoặc được công nhận tương đương với chuẩn quốc tế, khu vực ASEAN.		x					
Tiêu chí 2 - Trình độ nhà giáo							
1. Tiêu chuẩn 1: 100% nhà giáo có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc tương đương trở lên theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc tương đương trở lên.	x						
2. Tiêu chuẩn 2: Ít nhất 50% nhà giáo có trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương trở lên.		x					
3. Tiêu chuẩn 3: 100% nhà giáo có bằng cử nhân hoặc tương đương trở lên, phù hợp với ngành, nghề giảng dạy.		x					
4. Tiêu chuẩn 4: Ít nhất 70% đội ngũ nhà giáo có chứng chỉ kỹ năng nghề để giảng dạy thực hành trình độ cao đẳng hoặc văn bằng, chứng chỉ tương đương trở lên.				x			
5. Tiêu chuẩn 5: Hằng năm, ít nhất 50% đội ngũ nhà giáo được bồi dưỡng để cập nhật công nghệ mới thuộc lĩnh vực ngành, nghề giảng dạy với thời gian bồi dưỡng tối thiểu 80 giờ.			x				
Tiêu chí 3 - Gắn kết với doanh nghiệp trong đào tạo và việc làm sau đào tạo							
1. Tiêu chuẩn 1: Hằng năm, trường cung cấp ít nhất 04 khóa hoặc lớp đào tạo, bồi dưỡng cho người lao động của doanh nghiệp được doanh nghiệp và người lao động đánh giá có chất lượng và hiệu quả.		x					

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Mốc thời gian đạt						
	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030
2. Tiêu chuẩn 2: Hằng năm, trường có hoạt động hợp tác với trường nước ngoài hoặc tổ chức quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.		X					
3. Tiêu chuẩn 3: Thời gian đào tạo thực hành, thực tập tại doanh nghiệp chiếm ít nhất 20% tổng thời gian khóa học; có hoạt động gắn kết với doanh nghiệp để sản xuất, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ.		X					
4. Tiêu chuẩn 4: Các thiết bị đào tạo đạt mức tương đương công nghệ tiên tiến áp dụng tại doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu triển khai chương trình đào tạo.		X					
5. Tiêu chuẩn 5: Hằng năm trường hợp tác với doanh nghiệp để thực hiện ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học ứng dụng thực tiễn hoặc chuyển giao công nghệ.	X						
6. Tiêu chuẩn 6: Trong vòng 12 tháng kể từ khi tốt nghiệp, ít nhất 80% tổng số học sinh, sinh viên hệ trung cấp, cao đẳng tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành, nghề được đào tạo.		X					
Tiêu chí 4 - Quản trị nhà trường							
1. Tiêu chuẩn 1: Trường học có môi trường giáo dục hiện đại, đồng bộ theo tiêu chí xanh, bao gồm các điều kiện thiết yếu cho người khuyết tật; an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường.			X				
2. Tiêu chuẩn 2: Trường xây dựng và vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng được người học, nhà giáo, nhân viên, đội ngũ lãnh đạo và quản lý đánh giá hoạt động hiệu quả. Hiệu trưởng được cộng đồng và doanh nghiệp công nhận đã lãnh đạo nhà trường gắn bó chặt chẽ với các chương trình đổi mới, phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương (quận/huyện), bảo đảm cung cấp lao động có kỹ năng chất lượng cao; chỉ đạo tầm chiến lược nhà trường gắn với tiến trình quốc tế hóa và đổi mới các quan hệ đối tác trong thế giới việc làm.				X			
3. Tiêu chuẩn 3: Các hoạt động của trường được số hóa, kết nối, chia sẻ và tương tác; thực hiện quản trị, điều hành trường dựa trên dữ liệu và các công nghệ số. Trang thông tin điện tử của trường được thể hiện ít nhất bằng 02 ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Anh, có đầy đủ các nội dung gồm: cam kết chất lượng đào tạo và chất lượng đào tạo thực tế; điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo; thu chi tài chính.				X			
4. Tiêu chuẩn 4: Trường có hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến và bảo đảm các điều kiện cho đào tạo trực tuyến đối với ít nhất 30% môn học, mô đun của ngành, nghề đào tạo.					X		

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Mốc thời gian đạt						
	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030
5. Tiêu chuẩn 5: Trường triển khai hiệu quả các hoạt động hỗ trợ nhằm thúc đẩy phát triển các năng lực cá nhân và bảo đảm quyền lợi của học sinh, sinh viên, nhà giáo, nhân viên, cán bộ quản lý. Trường có các hoạt động hỗ trợ hiệu quả cho người khuyết tật hoặc phục vụ cộng đồng.				x			
6. Tiêu chuẩn 6: Khu vực thực hành bảo đảm đủ điều kiện theo quy định hiện hành về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học để đào tạo; được sắp xếp theo 3 cấp độ: bảo đảm đào tạo các kỹ năng cơ bản, đào tạo các kỹ năng chuyên sâu và ứng dụng các kỹ năng đã học vào điều kiện làm việc thực tế.		x					
7. Tiêu chuẩn 7: Hằng năm có ít nhất 01 bài báo hoặc công trình khoa học của nhà giáo, nhân viên, cán bộ quản lý được công bố trên các tạp chí khoa học được tính điểm hoặc ấn phẩm tương đương.		x					
Tiêu chí 5 - Trình độ học sinh, sinh viên sau đào tạo							
1. Tiêu chuẩn 1: Trong thời gian 3 năm, bao gồm năm đánh giá, trường có học sinh, sinh viên đạt giải tại các cuộc thi cấp quốc tế, khu vực hoặc quốc gia do ngành giáo dục nghề nghiệp phát động, tổ chức hoặc được tuyên dương xuất sắc, tiêu biểu cấp tỉnh, bộ, ngành, quốc gia hoặc có đề tài nghiên cứu ứng dụng được công nhận cấp tỉnh, bộ, ngành, quốc gia.		x					
2. Tiêu chuẩn 2: Hằng năm, đối với mỗi ngành, nghề đào tạo trường tổ chức khảo sát ít nhất 02 doanh nghiệp có học sinh, sinh viên vừa tốt nghiệp trong vòng 12 tháng đang làm việc; ít nhất 80% các doanh nghiệp được khảo sát khẳng định năng lực của học sinh, sinh viên tốt nghiệp hệ trung cấp, cao đẳng đáp ứng yêu cầu công việc.		x					
3. Tiêu chuẩn 3: Học sinh, sinh viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng cơ bản sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên, bảo vệ môi trường.					x		
4. Tiêu chuẩn 4: Hằng năm, có ít nhất 01 ý tưởng, dự án khởi nghiệp của học sinh, sinh viên được hỗ trợ đầu tư từ nguồn kinh phí phù hợp hoặc kết nối với các doanh nghiệp, các quỹ đầu tư mạo hiểm.		x					
Tổng tiêu chuẩn đạt	4/25	17/25	19/25	23/25	25/25		

Phụ lục 2: Nâng cao chất lượng đào tạo và phát triển ngành, nghề đào tạo đến năm 2025 và 2030

STT	Ngành, nghề đào tạo	Cấp độ ngành, nghề trọng điểm ¹		Các mốc thời gian đạt được										Ghi chú	
		Quốc gia	Khu vực Asean	2024			2025				2030				
				Mở mới	Đạt tiêu chuẩn kiểm định	Liên kết đào tạo giữa nhà trường và doanh nghiệp ²	Mở mới	Đạt tiêu chuẩn kiểm định	Liên kết đào tạo giữa nhà trường và doanh nghiệp	Cập nhật chuẩn đầu ra theo khung trình độ Quốc gia	Mở mới	Đạt tiêu chuẩn kiểm định	Liên kết đào tạo giữa nhà trường và doanh nghiệp		Cập nhật chuẩn đầu ra theo khung trình độ Quốc gia
1	Công nghệ chế tạo máy						X					X	X	X	
2	Công nghệ kỹ thuật cơ khí									X		X	X		
3	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	X						X		X					
4	Công nghệ kỹ thuật hệ thống năng lượng mặt trời						X					X	X	X	
5	Công nghệ May											X	X	X	

¹ Theo QĐ số 1769/QĐ-LĐTĐ ngày 25/11/2019 của Bộ LĐ-TĐ&XH về phê duyệt ngành, nghề trọng điểm; trường được lựa chọn ngành, nghề trọng điểm giai đoạn 2016-2020 và định hướng tới năm 2025.

² Tổ chức liên kết đào tạo giữa nhà trường và doanh nghiệp đối với các nội dung: chương trình, giáo trình đào tạo, thời gian thực hành tại doanh nghiệp, với tiêu chí đào tạo 50% thời lượng lý thuyết và thực hành cơ bản tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp; 50% thời lượng thực hành chuyên sâu tại các doanh nghiệp.

STT	Ngành, nghề đào tạo	Cấp độ ngành, nghề trọng điểm ¹		Các mốc thời gian đạt được											Ghi chú
				2024			2025				2030				
		Quốc gia	Khu vực Asean	Mở mới	Đạt tiêu chuẩn kiểm định	Liên kết đào tạo giữa nhà trường và doanh nghiệp ²	Mở mới	Đạt tiêu chuẩn kiểm định	Liên kết đào tạo giữa nhà trường và doanh nghiệp	Cập nhật chuẩn đầu ra theo khung trình độ Quốc gia	Mở mới	Đạt tiêu chuẩn kiểm định	Liên kết đào tạo giữa nhà trường và doanh nghiệp	Cập nhật chuẩn đầu ra theo khung trình độ Quốc gia	
6	Công nghệ Ô tô	X					X		X						
7	Cơ Điện tử	X					X		X						
8	Dược	X					X		X						
9	Điện công nghiệp	X					X	X	X						
10	Điều dưỡng	X					X		X						
11	Kế toán doanh nghiệp	X					X		X						
12	Kỹ thuật chế biến món ăn	X					X		X						
13	Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí	X					X	X	X						
14	Logistics						X				X		X		
15	Marketing						X				X		X		

STT	Ngành, nghề đào tạo	Cấp độ ngành, nghề trọng điểm ¹		Các mốc thời gian đạt được										Ghi chú	
		Quốc gia	Khu vực Asean	2024			2025				2030				
				Mở mới	Đạt tiêu chuẩn kiểm định	Liên kết đào tạo giữa nhà trường và doanh nghiệp ²	Mở mới	Đạt tiêu chuẩn kiểm định	Liên kết đào tạo giữa nhà trường và doanh nghiệp	Cập nhật chuẩn đầu ra theo khung trình độ Quốc gia	Mở mới	Đạt tiêu chuẩn kiểm định	Liên kết đào tạo giữa nhà trường và doanh nghiệp		Cập nhật chuẩn đầu ra theo khung trình độ Quốc gia
16	Nghiệp vụ lễ tân	X						X		X					
17	Quản trị kinh doanh nhà hàng khách sạn & Du lịch											X		X	
18	Quản trị khu Resort		X					X		X		X			
19	Quản trị mạng máy tính									X		X			
20	Tiếng Anh									X		X			
21	Tin học ứng dụng									X		X			
22	Y sỹ đa khoa						Cao đẳng			X		X			
TỔNG CỘNG		11	01				05	11/22	02/22	16/22		11/22	05/22	06/22	

* Ghi chú: Tầm nhìn đến năm 2040, một số chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu nhân lực có kỹ năng nghề cao, đạt chuẩn kỹ năng trong khu vực ASEAN, bắt kịp trình độ tiên tiến của thế giới, có năng lực cạnh tranh ở một số lĩnh vực, ngành, nghề đào tạo trong cả nước.

Phụ lục 3: Công tác phát triển đội ngũ nhà giáo, viên chức, người lao động đến năm 2025 và 2030

Stt	Trình độ nhà giáo	Năm 2024		Dự kiến năm 2025		Dự kiến năm 2030	
		Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
I	Chuyên môn						
1	Tiến sĩ, CK 2	3	1.6	4	2.2	9	5.7
2	Thạc sĩ, CK 1	105	55.0	105	58.7	102	65.0
3	Đại học	82	42.9	70	39.1	46	29.3
4	Cao đẳng	1	0.5	0	0.0	0	0.0
Tổng		191	100	179	100	157	100
II	Tin học						
1	Thạc sĩ	7	3.7	8	4.5	10	6.4
2	Cử nhân	10	5.2	10	5.6	6	3.8
3	UD CNTT nâng cao	1	0.5	4	2.2	10	6.4
4	UD CNTT cơ bản	173	90.6	157	87.7	131	83.4
Tổng		191	100	179	100	157	100
III	Ngoại ngữ						
1	Tiến sĩ	0	0.0	1	0.6	1	0.6
2	Thạc sĩ	14	7.3	15	8.4	12	7.6
3	Cử nhân	17	8.9	12	6.7	15	9.6
4	Bậc 3	39	20.4	63	35.2	70	44.6
5	Bậc 2	121	63.4	89	49.7	60	38.2
Tổng		191	100	179	100	157	100
IV	Chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia						
1	Bậc 3 hoặc tương đương trở lên	23	12.0	50	27.9	120	76.4
2	Bậc 2 hoặc tương đương	1	0.5	0	0.0	0	0.0
Tổng		24	12.6	50	27.9	120	76.4
V	Bồi dưỡng để cập nhật công nghệ mới (tối thiểu 80 giờ/năm)	0	0.0	30	16.8	80	51.0

Phụ lục 4: Công tác đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2025 và 2030

I. Giai đoạn 2024-2025

1. Mục tiêu

- Trường đạt chuẩn kiểm định chất lượng.
- Tự đánh giá và thực hiện cải tiến chất lượng Trường, các chương trình đào tạo trọng điểm cấp khu vực ASEAN và cấp quốc gia, xây dựng và phát triển Trường thành trường cao đẳng chất lượng cao.

2. Các nội dung/hoạt động

STT	Nội dung/Hoạt động	Thời gian	Ghi chú
1. Công tác đảm bảo chất lượng Trường			
1.1.	Tự đánh giá chất lượng Trường & xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo chuẩn kiểm định chất lượng	Hàng năm	
1.2	Tổ chức kiểm định ngoài chất lượng Trường	2025	
2. Công tác đảm bảo chất lượng CTĐT cấp khu vực Asean và cấp quốc gia của Trường			
2.1.	Tự đánh giá, thực hiện cải tiến chất lượng 01 chương trình đào tạo trọng điểm cấp khu vực ASEAN và 01 CTĐT trọng điểm cấp quốc gia	2024	
2.2.	Tự đánh giá, thực hiện cải tiến chất lượng 01 chương trình đào tạo trọng điểm cấp khu vực ASEAN và ít nhất 03 CTĐT trọng điểm cấp quốc gia	2025	
3. Xây dựng và phát triển Trường theo Bộ tiêu chí trường cao đẳng chất lượng cao			
	Tự đánh giá và thực hiện các cải tiến Trường để đáp ứng bộ tiêu chí trường cao đẳng chất lượng cao.	2025	

II. Giai đoạn 2026-2030

1. Mục tiêu

- Trường duy trì và đạt chuẩn kiểm định chất lượng (theo chu kỳ kiểm định ngoài).
- Có ít nhất 50% chương trình đào tạo trọng điểm cấp khu vực ASEAN và cấp quốc gia của Trường đạt chuẩn kiểm định chất lượng.
- Trường được công nhận Trường Cao đẳng chất lượng cao.

2. Các nội dung/hoạt động

STT	Nội dung/Hoạt động	Thời gian	Ghi chú
1. Công tác đảm bảo chất lượng Trường			
1.1	Tự đánh giá và xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo chuẩn kiểm định chất lượng	Hàng năm	
1.2	Tổ chức kiểm định ngoài chất lượng Trường theo chu kỳ	2030	
2. Xây dựng và phát triển Trường theo Bộ tiêu chí trường cao đẳng chất lượng cao			
2.1	Tự đánh giá và thực hiện các cải tiến Trường để đáp ứng bộ tiêu chí trường cao đẳng chất lượng cao	Hàng năm	
2.2	Đăng ký Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp để được đánh giá và công nhận Trường Cao đẳng chất lượng cao	2028	
3. Công tác đảm bảo chất lượng CTĐT cấp khu vực Asean và cấp quốc gia của Trường			
3.1	Tự đánh giá và xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng tất cả các chương trình đào tạo trọng điểm cấp khu vực ASEAN và cấp quốc gia	Hàng năm	
3.2	Có 01 chương trình đào tạo trọng điểm cấp khu vực ASEAN và ít nhất 01 CTĐT cấp quốc gia của Trường đạt chuẩn chất lượng	2026	
3.3	Có ít nhất 50% chương trình đào tạo trọng điểm cấp quốc gia của Trường đạt chuẩn chất lượng của Trường đạt chuẩn chất lượng.	2029	

7	Chi trả lãi tiền vay								
8	Chi thường xuyên khác (nếu có)								
C	Chênh lệch chi thường xuyên đề nghị NSNN cấp								
1	Chi từ nguồn thu được để lại	13,695.8	15,441.5	17,417.8	19,155	21,070	23,180	25,500	28,050
2	Ngân sách tỉnh bổ sung	28,394.0	27,194.9	26,463.1	24,195	21,840	19,340	16,680	13,820
D	Mức độ tự chủ chi thường xuyên đạt (%)	32.5	36.2	39.7	44.2	49.1	54.5	60.5	67.0
E	Thu nhập tăng thêm bình quân của đơn vị								
1	Chi thu nhập bình quân tăng thêm từ 0,1 đến 0,3 lần quỹ lương cơ bản của VC-NLĐ	x	x	x	x				
2	Chi thu nhập bình quân tăng thêm từ 0,4 đến 0,5 lần quỹ lương cơ bản của VC-NLĐ					x	x	x	x

Phụ lục 6: Đa dạng hóa dịch vụ, sản xuất gắn với các cơ sở thực hành

STT	Tên loại hình dịch vụ, sản xuất	Đơn vị thực hiện	Dự kiến thời gian
Giai đoạn 2024-2025			
1	Liên kết các cơ sở đào tạo mở các lớp đại học, thạc sĩ, bồi dưỡng ngắn hạn theo nhu cầu.	Trung tâm Liên kết đào tạo - Bồi dưỡng	2024
2	Tổ chức các lớp ôn luyện thi cấp chứng chỉ về tin học, ngoại ngữ và các lớp ngoại ngữ, tin học khác cho người học ở mọi lứa tuổi.	Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học	2024
3	Khai thác các hoạt động dịch vụ liên quan đến công tác tổ chức thi tuyển dụng cho các cơ quan, đơn vị trong tỉnh.	Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	2024
4	Dạy lái xe A1 và dịch vụ gửi GPLX A1 đến tận nhà cho học viên (phối hợp với Bưu điện tỉnh)	Trung tâm Liên kết đào tạo - Bồi dưỡng	2024
5	Cho thuê phòng máy tin học.	Trung tâm Thông tin - Thư viện - Thiết bị	2024
6	- Khai thác dịch vụ căn tin, giữ xe. - Cho thuê hội trường, phòng học, máy phát điện.	Phòng Tổ chức - Hành chính - Tổng hợp	2024
7	Khai thác nhà tập thể dục, thể thao.	Phòng Tổ chức - Hành chính - Tổng hợp	2024
8	Khai thác dịch vụ lưu trú tại cơ sở 2.	Trung tâm Hỗ trợ học sinh - sinh viên	2024
9	Khai thác mặt bằng của trường (Căn -tin cơ sở 3)	Phòng Tổ chức - Hành chính - Tổng hợp	2024
10	Mở cửa hàng photo copy, văn phòng phẩm, quà lưu niệm.	Phòng TCHCTH - Khoa KTDLVH	2025
11	Dịch vụ cà - phê, giải khát (cơ sở 4)	Khoa KTDLVH	2025
12	Trung tâm bồi dưỡng văn hóa (phụ đạo kiến thức học sinh phổ thông)	Khoa Sư phạm	2025
Giai đoạn 2026-2030			
13	Dịch vụ tư vấn du học, xuất khẩu lao động.	Phòng Nghiên cứu khoa học và Hợp tác quốc tế	2026
13	Mở Gara chăm sóc xe ô tô, kết hợp rửa xe.	Khoa Kỹ thuật	2026
14	Lớp thực hành Sư phạm mầm non.	Khoa Sư phạm	2027
15	Phòng khám đa khoa (theo mô hình phòng khám bác sĩ gia đình)	Khoa Y - Dược	2027

16	Mở cửa hàng ăn uống, ẩm thực; nhà hàng buffet.	Khoa KTDLVH	2028
Giai đoạn 2031-2040			
17	Trường thực hành Sư phạm mầm non.	Khoa Sư phạm	2032
18	Thương mại hóa các đề tài nghiên cứu khoa học có tính ứng dụng cao và một số sản phẩm do học sinh, sinh viên làm ra.	Phòng NCKH và HTQT - Các Khoa liên quan	2032
19	Cơ sở dịch vụ điện lạnh - điện dân dụng	Khoa Kỹ thuật	2032
20	Cơ sở dạy lái xe ô tô	Khoa Kỹ thuật - Trung tâm LKĐTBD	2035 -2040
23	Cơ sở nghỉ dưỡng kết hợp chăm sóc sức khỏe và du lịch hội nghị	Khoa KTDLVH - Khoa Y Dược - P.TCHCTH - THTHSSV	2035 -2040

Phụ lục 7: Cơ cấu tổ chức giai đoạn 2024-2030 và đến năm 2040

1. Giai đoạn 2024-2025: giữ nguyên 15 đơn vị trực thuộc như hiện nay

2. Giai đoạn 2026 -2030:

Giữ nguyên số lượng 15 đơn vị trực thuộc, gồm: Tăng 01 đơn vị chuyên quản lý dịch vụ (dịch vụ khối nhà hàng, du lịch + dịch vụ khối kỹ thuật + dịch vụ khối sư phạm) + 01 phòng khám đa khoa; giảm tương ứng 2 đơn vị hiện nay (sáp nhập và tăng nhiệm vụ cho đơn vị đang có nhiệm vụ gần tương đồng).

3. Giai đoạn 2031-2040:

Căn cứ tình hình phát triển nhà trường, dự kiến có không quá 20 đơn vị trực thuộc.

Phụ lục 8: Cơ sở vật chất giai đoạn 2024-2025 và đến năm 2030

Cơ sở	Nội dung	Kinh phí
Giai đoạn 2024-2025		
1	Xây dựng nhà để xe, nâng cấp hội trường, cải tạo sân, lối đi, xây dựng môi trường văn hóa trường học	Quỹ phát triển sự nghiệp
2	Tu bổ nhỏ để bảo đảm duy trì hoạt động dịch vụ lưu trú, nhà tập luyện TDTT, cho thuê hội trường, phòng máy, ...	Quỹ phát triển sự nghiệp
3	Phấn đấu hoàn thành công trình mở rộng, triển khai khu tiền lâm sàng / phòng khám	Ngân sách (XSKT)
4	Cải tạo khối phòng cấp 4 thành cơ sở thực hành - dịch vụ cà-phê, giải khát	Xã hội hóa hoặc huy động đóng góp nội bộ
Giai đoạn 2026-2030		
1	- Xây dựng thêm khối giảng đường, phòng thực hành, nhà tập luyện TDTT mới - Xây dựng cơ sở thực hành - dịch vụ bảo dưỡng ô tô	- Ngân sách (XSKT) - Xã hội hóa hoặc huy động đóng góp nội bộ
2	- Cải tạo nhỏ để triển khai cơ sở thực hành - trung tâm bồi dưỡng văn hóa và lớp mầm non	Quỹ phát triển sự nghiệp
3	- Phát triển phòng khám đa khoa	Xã hội hóa hoặc huy động đóng góp nội bộ
4	- Phát triển cơ sở thực hành nhà hàng	Xã hội hóa hoặc huy động đóng góp nội bộ
Giai đoạn 2031-2040		
1	- Phát triển cơ sở dạy lái xe ô tô - Phát triển cơ sở thực hành - dịch vụ điện lạnh	- Ngân sách - Xã hội hóa hoặc huy động nội bộ
2	- Phát triển dịch vụ nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe - Phát triển cơ sở thực hành - trường mầm non	Quỹ phát triển sự nghiệp
3	Nâng cấp phòng khám đa khoa	Xã hội hóa hoặc huy động nội bộ
4	- Tiếp tục phát triển cơ sở thực hành nhà hàng	Xã hội hóa hoặc huy động nội bộ